

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NNTN

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 8 năm 2019

V/v kế hoạch, dự toán
ngân sách nhà nước năm 2020
và kế hoạch tài chính -
ngân sách nhà nước 03 năm
2020 - 2022 từ nguồn kinh phí
sự nghiệp bảo vệ môi trường
của tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2926/BTNMT-KHTC ngày 20/6/2019 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2017-2019 và xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2020-2022 như sau:

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN
KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2019,
GIAI ĐOẠN 3 NĂM 2017-2019**

1. Đánh giá công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường của tỉnh Quảng Ngãi năm 2019 và giai đoạn 3 năm 2017-2019

a) Đánh giá thực trạng công tác quản lý môi trường:

- Trong 3 năm 2017-2019, tỉnh Quảng Ngãi đã kịp thời chỉ đạo các ngành, các cấp tổ chức thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường; triển khai các kế hoạch hành động về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; đồng thời, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành, tổ chức thực hiện Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 565/KH-UBND ngày 07/02/2017 thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2807/QĐ-BTNMT ngày 06/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường; Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 quy

định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định các loại báo cáo, đề án, phương án về môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 công bố bộ thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường; Công văn số 5121/UBND-CNXD ngày 22/8/2017 về tăng cường công tác quản lý nước thải, chất thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Công văn số 6253/UBND-NNTN ngày 15/10/2018 và số 6392/UBND-NNTN ngày 19/10/2018 yêu cầu doanh nghiệp khai thác cát dọc sông Trà Khúc có tuyến đường vận chuyển trong thành phố Quảng Ngãi nghiêm túc thực hiện công tác bảo vệ môi trường; Công văn số 7966/UBND-NNTN ngày 28/12/2018 yêu cầu các địa phương tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở chăn nuôi tập trung trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 04/3/2019 về Kế hoạch hành động nâng cao chất lượng công tác quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 29/5/2019 về thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Trong quá trình xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi luôn chú trọng việc lồng ghép với nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo quan điểm phát triển bền vững, đồng bộ trên cả ba lĩnh vực: kinh tế, xã hội, môi trường, trong đó đặc biệt quan tâm đến các chỉ tiêu về môi trường. Trong các chương trình, kế hoạch hành động của tỉnh đều xác định rõ trách nhiệm và phân công, phân cấp hợp lý giữa các ngành, các cấp để làm tốt công tác quản lý về môi trường thuộc địa bàn và phạm vi quản lý.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường luôn được quan tâm chú trọng dưới nhiều hình thức. Quán triệt đến toàn thể đội ngũ cán bộ, công nhân và cộng đồng dân cư, doanh nghiệp nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và nội dung các văn bản pháp luật về môi trường. Tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng cho các tổ chức, cá nhân có liên quan. Chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương tổ chức các hoạt động hưởng ứng nhân các ngày Lễ về môi trường như: Ngày Quốc tế đa dạng sinh học, Ngày Môi trường Thế giới và tháng hành động vì môi trường, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, Ngày Đại dương Thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam,..., đã huy động và thu hút hàng ngàn đại biểu tham dự, đồng thời kết hợp trao tặng Giải thưởng Môi trường lần IV - năm 2018 cho 03 tổ chức và 04 cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ môi trường. Chương trình truyền thông môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng tiếp tục được triển khai mạnh và hiệu quả như: mở chuyên đề “Môi trường và Cuộc sống” trên sóng Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; hàng quý có bản tin về tài nguyên và môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường phát hành. Thời lượng thông tin về chuyên mục môi trường trên Đài truyền thanh huyện, thành phố tăng lên; các huyện miền núi

sử dụng cả tiếng Kinh và tiếng người dân tộc thiểu số để tuyên truyền.

- Chỉ đạo triển khai tốt công tác phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Công an tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh về bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

b) Tình hình triển khai các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường theo chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ (*Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016, Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 17/9/2018, Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013*)

b1) Đối với công tác đánh giá tác động môi trường:

UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nghiêm túc thực hiện công tác đánh giá tác động môi trường, tiếp tục chấn chỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, xác nhận sau thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua việc tổ chức kiểm tra định kỳ công tác bảo vệ môi trường hàng năm; ban hành văn bản nhắc nhở các chủ dự án tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường; tổ chức họp các đơn vị tư vấn trên địa bàn tỉnh để chấn chỉnh công tác lập hồ sơ môi trường cũng như nâng cao năng lực tư vấn, nâng cao chất lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường; ban hành văn bản chỉ đạo các sở, ngành liên quan, các đơn vị hoạt động khai thác khoáng sản chấn chỉnh công tác ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản. Hầu hết báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư được Hội đồng thẩm định xem xét, yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, một số khác không được Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua vì lý do không đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

b2) Đối với việc tăng cường năng lực quan trắc và thông tin về môi trường theo hướng phát triển mạnh hệ thống quan trắc tự động; thực hiện kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về các nguồn thải:

Hiện nay công tác quan trắc và thông tin về môi trường vẫn được quan tâm thực hiện. Cơ sở dữ liệu về các nguồn thải đã bước đầu được xây dựng. Tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ “Đầu tư hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động liên tục” và “Điều tra, khảo sát xây dựng Đề án Đầu tư Hệ thống quan trắc chất thải tự động liên tục giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để tăng cường năng lực quan trắc và thông tin về môi trường theo hướng phát triển mạnh hệ thống quan trắc tự động, góp phần giám sát môi trường, giám sát một số nguồn thải trên địa bàn tỉnh. Hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động liên tục đã vận hành từ cuối năm 2017 và hiện đang được duy trì vận hành tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

b3) Đối với kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với các cơ sở

gây ô nhiễm môi trường:

Theo nội dung Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng"; theo đó, tỉnh Quảng Ngãi có 07 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, bao gồm: Nhà máy Chế biến tinh bột mì Quảng Ngãi, Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn, Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức, Kênh nước thải Hào Thành, Bãi rác thành phố Quảng Ngãi, Bãi rác thị trấn Đức Phổ và Công ty Chế biến thực phẩm xuất khẩu Quảng Ngãi Vitex. Hiện nay đã có 04/07 đơn vị đã hoàn thành việc xử lý triệt để ô nhiễm môi trường, 03/07 đơn vị còn lại chưa được bố trí kinh phí xử lý là: Kênh nước thải Hào Thành, Bãi rác cũ Nghĩa Kỳ và Bãi rác thị trấn Đức Phổ (đã dùng chôn lấp rác tại 02 bãi rác này); đã xây dựng công hộp để hạn chế ảnh hưởng môi trường từ nước thải sinh hoạt đến khu dân cư (như tình trạng kênh hở trước đây). Công tác thanh, kiểm tra về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp nói chung, kể cả các đơn vị có tên trong Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện thường xuyên. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Phòng Cảnh sát Phòng chống tội phạm về môi trường - Công an tỉnh, Cục Bảo vệ môi trường khu vực miền Trung Tây nguyên, Tổng cục Môi trường tiến hành nhiều đợt kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

b4) Đối với việc xử lý các kho thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu:

UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện hoàn thành việc xử lý ô nhiễm môi trường tại 05 kho thuốc bảo vệ thực vật Hòa Vinh (thành phố Quảng Ngãi), Quyết Thắng (huyện Tư Nghĩa), Phổ Cường (huyện Đức Phổ), . Núi Voi (huyện Tư Nghĩa), Phổ Minh (huyện Đức Phổ) và năm 2019 đang tiếp tục xử lý ô nhiễm môi trường tại kho Dốc Trạm (huyện Sơn Tịnh). Như vậy, sau năm 2019, tỉnh Quảng Ngãi sẽ xử lý xong 06 kho thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu trên địa bàn tỉnh.

b5) Đối với việc nhập khẩu và sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi không có đơn vị nào được cấp Giấy phép đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (tính từ tháng 9/2018 đến nay).

Công tác kiểm tra, ngăn chặn việc đưa phế liệu nhập khẩu vào các cơ sở tái chế, sản xuất chưa được cấp Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu tại các làng nghề, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên lồng ghép nhắc nhở các đơn vị, doanh nghiệp trong các đợt kiểm tra hàng năm của Sở cũng khi phối hợp với các Sở ngành, địa phương liên quan.

b6) Đối với việc tăng cường quản lý chất thải nguy hại:

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh có phát sinh chất thải nguy hại trên địa bàn lập

hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Công tác thông báo, trao đổi thông tin với các tổ chức, cá nhân đăng ký chủ nguồn thải được thực hiện thông qua hệ thống thông tin điện thoại, email, ..., nhằm rút ngắn thời gian, giảm thiểu việc sử dụng văn bản và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các tổ chức, cá nhân khi đăng ký. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, thanh tra, đồng thời ban hành các văn bản hướng dẫn và yêu cầu các cơ sở sản xuất kinh doanh có phát sinh chất thải nguy hại phải thực hiện công tác quản lý chất thải nguy hại theo quy định. Đồng thời lồng ghép việc thanh tra, kiểm tra công tác quản lý chất thải nguy hại tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh vào trong nhiệm vụ thanh, kiểm tra hàng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại cho 13 doanh nghiệp theo đúng quy định; thường xuyên theo dõi, giám sát công tác quản lý chất thải nguy hại tại các cơ sở phát sinh chất thải nguy hại đã cấp phép.

b7) Đối với việc khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân:

UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị có liên quan quan tâm cải thiện chất lượng môi trường sống, cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân, đặc biệt là ở các đô thị, khu, cụm công nghiệp, làng nghề, khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, huyện đảo Lý Sơn, vùng đặc biệt khó khăn khan hiếm nước ngầm. Đồng thời, tập trung xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, chú trọng cải tạo những hồ, ao, kênh, mương, đoạn sông, suối bị ô nhiễm. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản. Đẩy nhanh tiến độ rà phá và khắc phục hậu quả bom mìn, cải tạo các vùng đất bị nhiễm chất độc dioxin, hoàn trả quỹ đất sạch phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, bảo đảm an toàn cho nhân dân. Chú trọng cải thiện chất lượng không khí, cây xanh, không gian vui chơi, giải trí trong các đô thị, khu dân cư.

b8) Đối với tình hình triển khai Quyết định số 985a/QĐ-TTg ngày 01/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025:

(1) Về lĩnh vực bảo vệ môi trường:

- Trong công tác tuyên truyền, thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố tập trung vào các nhiệm vụ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm thực hiện công tác quản lý chất lượng không khí nói riêng và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh nói chung như: Tích cực triển khai các đợt hưởng ứng sự kiện môi trường như Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học (22/5), Ngày Môi trường thế giới (5/6), Ngày Đại dương Thế giới (08/6), Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (từ ngày 01/6-08/6)... phù hợp với chủ đề hàng năm do Bộ Tài nguyên và Môi trường phát động.

- Trong công tác thẩm định, đề xuất phê duyệt hồ sơ môi trường (Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường...), luôn chú trọng đến việc xây dựng và hiệu quả vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đặc biệt là bảo vệ môi trường không khí; lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát; thường xuyên nhắc nhở, khuyến cáo và yêu cầu các chủ dự án chú trọng và đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, kiểm soát bụi, khí thải trong quá trình vận chuyển vật liệu, thi công xây dựng công trình cũng như trong quá trình vận hành dự án.

- Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai chương trình quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong đó có quan trắc, giám sát không khí xung quanh với các thông số chủ yếu là bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂, Pb tại các điểm nút giao thông, khu công nghiệp, cụm công nghiệp - làng nghề, khu dân cư, đô thị...

- UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện xong việc đầu tư hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục. Hiện nay, hệ thống đã tiếp nhận và truyền dữ liệu tự động, liên tục các số liệu quan trắc nước thải từ một số nhà máy trên địa bàn tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

- Đối với quan trắc khí thải tự động, liên tục: Thời gian qua, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các quy định về kiểm soát nguồn khí thải công nghiệp; đề nghị một số cơ sở sản xuất thực hiện việc lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục và truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát. Trong thời gian tới, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện tốt Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, trong đó có việc xả khí thải công nghiệp, quan trắc khí thải công nghiệp và truyền số liệu, camera về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát theo quy định.

(2) Trong lĩnh vực giao thông vận tải:

- Đã triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, giai đoạn 2016-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (được UBND tỉnh duyệt tại Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 09/10/2015); chính sách khuyến khích các đơn vị vận tải đầu tư phát triển vận tải hành khách công cộng theo Quyết định số 61/2016/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phương tiện vận tải và hỗ trợ giá vé vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Phối hợp với Hiệp hội vận tải ô tô tỉnh Quảng Ngãi tuyên truyền, phổ biến và khuyến khích các doanh nghiệp vận tải chuyển đổi sang vận hành, khai thác phương tiện xe buýt, xe taxi sử dụng nhiên liệu CNG, LPG, phương

tiện sử dụng công nghệ ít tiêu tốn nhiên liệu, xăng E5 thân thiện với môi trường nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí.

(3) Trong lĩnh vực y tế: Rác thải y tế có chứa tác nhân gây bệnh đã được đơn vị có chức năng thu gom, xử lý triệt để; các loại hóa chất trong quá trình pha hóa chất, phân tích mẫu để phục vụ cho việc khám chữa bệnh, đặc biệt là các loại hóa chất dễ bay hơi gây ô nhiễm môi trường không khí đã được quản lý và kiểm soát chặt chẽ, góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường không khí trong khu vực.

(4) Về lĩnh vực khoa học và công nghệ: UBND tỉnh đã phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020 và Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2016 - 2020 (tại Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 08/7/2016); kết quả đã hỗ trợ một số doanh nghiệp đổi mới thiết bị nhằm giảm chi phí điện năng trong sản xuất bàn ghế gỗ.

(5) Về lĩnh vực công thương:

- Đã yêu cầu các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu xây dựng kế hoạch thực hiện Phương án áp dụng các mức chất lượng xăng dầu theo Lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải tại Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với ô tô, xe máy hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới.

- Để triển khai thực hiện Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 22/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 19/6/2014 về phê duyệt Kế hoạch thực hiện lộ trình phân phối xăng E5-Ron 92 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; theo đó, tỉnh Quảng Ngãi thực hiện việc phân phối xăng E5-Ron 92 sớm hơn lộ trình quy định của Chính phủ là 03 tháng (tức là trước ngày 01/9/2014). Từ ngày 01/8/2014, tất cả cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi không còn phân phối, kinh doanh xăng Mogas 92, chỉ phân phối, kinh doanh 02 loại xăng là xăng E5-Ron 92 và xăng Mogas 95. Từ đó đến nay luôn đảm bảo nghiêm việc duy trì 100% cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi chỉ phân phối 02 loại xăng là xăng E5-Ron 92 và xăng Mogas 95.

b9) Đối với công tác bảo tồn đa dạng sinh học:

UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (tại Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 02/02/2017) và giao các Sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện quy hoạch; ban hành Kế hoạch nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 (Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 08/02/2017). Đồng thời chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng bộ tài liệu cơ bản về công tác bảo tồn đa dạng sinh học cho các địa phương; tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ cho gần 150 đại biểu là cán bộ quản lý, cán bộ

thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học cấp xã của 6 huyện miền núi,... Trong những năm qua đã triển khai thực hiện nhiều biện pháp bảo vệ rừng, phòng chống chặt phá rừng trên địa bàn tỉnh; thường xuyên chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm tăng cường đấu tranh, phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng; chủ động tổ chức nhiều đợt tuần tra, kiểm tra, truy quét tại các khu vực thường xảy ra phá rừng. Nhờ đó, các điểm nóng về khai thác, phá rừng được phát hiện và ngăn chặn kịp thời, xử lý hiệu quả, góp phần đảm bảo an ninh trật tự xã hội, bảo vệ vốn rừng. Mặc dù hầu hết các sinh cảnh rừng trên địa bàn tỉnh đã bị tác động nhưng vẫn còn một số khu vực có tính đa dạng sinh học cao, có sự phong phú và đa dạng cao về bò sát lưỡng cư, côn trùng thuộc nhóm Bướm - Chuồn chuồn; vẫn còn một số loài thú quý hiếm như Vượn, Voọc, Khỉ, Chim... có giá trị bảo tồn, phục vụ nghiên cứu và phát triển du lịch sinh thái lâu dài.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2019 và giai đoạn 3 năm 2017-2019

a) Tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán bảo vệ môi trường năm 2019 và giai đoạn 3 năm 2017-2019: Kinh phí sự nghiệp môi trường được sử dụng đúng mục đích, đối tượng và đảm bảo nội dung công việc, chế độ, chính sách theo quy định. Dự toán được giao ngay đầu năm tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành, các cấp chủ động sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

b) Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường:

b1) Thuận lợi: Công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh thời gian qua có nhiều chuyển biến tích cực cả về nhận thức lẫn hành động và thu được những kết quả đáng khích lệ. Kết quả có được như trên là do:

- Sự quan tâm của các cấp ủy Đảng và chính quyền tỉnh đối với sự nghiệp bảo vệ môi trường. Dự toán kinh phí được giao đầu năm tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành, các cấp chủ động sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ngành, địa phương và Công an tỉnh trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các phòng trào như “Toàn dân tham gia bảo vệ môi trường”, các mô hình như “Ngõ phố văn minh - an toàn - sạch đẹp”... ngày càng được quần chúng tham gia nhiệt tình, tích cực và đang được nhân rộng.

b2) Khó khăn, vướng mắc:

- Ý thức của một bộ phận nhân dân về môi trường còn hạn chế, người dân còn thiếu kiến thức về phân loại và xử lý chất thải cũng như các kiến thức về tác động của chất thải, ô nhiễm môi trường đến đời sống con người. Công

tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng được quan tâm nhưng chưa thường xuyên, sâu rộng, chưa tác động mạnh và rộng rãi đến đông đảo các đối tượng. Cấp uỷ, chính quyền địa phương nhiều nơi ít quan tâm chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự quan tâm, phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực này. Nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường chưa đồng bộ, nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường thời gian qua tuy đã được nâng lên nhưng chưa thật sự tạo được chuyển biến thành hành vi, thói quen, văn hoá ứng xử thân thiện với môi trường. Việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp chưa cao, còn nhiều doanh nghiệp chưa xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường. Đối tượng vi phạm có nhiều thủ đoạn hoạt động tinh vi, lợi dụng điều kiện địa hình, thời tiết và sơ hở trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

- Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đã được tăng cường nhưng vẫn còn một số bất cập, đó là: khả năng cảnh báo, dự báo diễn biến chất lượng môi trường còn hạn chế; việc di dời và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường còn kéo dài; hệ thống quản lý chất thải rắn kiện toàn chậm và chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển của kinh tế xã hội.

- Phần lớn các Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, huyện và các Bệnh viện chuyên khoa đã được đầu tư hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn y tế từ những năm 2004 trở lại đây. Tuy nhiên, với đội ngũ nhân viên y tế chưa được đào tạo bài bản và chuyên nghiệp về khả năng tự bảo dưỡng, bảo trì các hệ thống này nên hiện nay các hệ thống này đang bị xuống cấp, gây ảnh hưởng nhiều khó khăn trong khâu xử lý và tốn nhiều kinh phí sửa chữa. Đội ngũ làm công tác quản lý chất thải y tế tại các bệnh viện, Trung tâm Y tế dự phòng... phần lớn là cán bộ kiêm nhiệm, chưa có cán bộ chuyên trách nên gặp nhiều khó khăn trong công tác kiểm tra, giám sát và báo cáo. Chất lượng đầu ra của các lò đốt chất thải rắn y tế hiện nay phần lớn chưa được kiểm soát chặt chẽ, độ cao của ống khói chưa đúng với quy định (nhỏ hơn 20 mét). Phần lớn nhà lưu giữ chất thải rắn y tế nguy hại tại các cơ sở y tế chưa được đầu tư xây dựng đúng quy định vì kinh phí còn hạn hẹp. Chưa được đầu tư xe chuyên dụng vận chuyển rác thải y tế từ xã, phường về trung tâm các bệnh viện huyện hoặc tỉnh để xử lý. Hiện nay, tỉnh Quảng Ngãi có 183/184 xã đã có Trạm Y tế, thế nhưng phần lớn rác thải y tế hàng ngày vẫn chỉ được đốt tại các lò đốt thủ công được xây tạm hoặc đào lỗ đốt rồi chôn lấp, vì vậy chưa đảm bảo an toàn cho môi trường theo quy định của Bộ Y tế. Các cơ sở y tế tư nhân chưa phối hợp báo cáo tình hình quản lý và xử lý chất thải y tế của đơn vị, dẫn đến nhiều khó khăn trong công tác tổng hợp kết quả thực hiện và lập kế hoạch quản lý chất thải y tế của ngành.

- Công tác khai thác nguồn thu trong lĩnh vực môi trường chưa tương xứng với tiềm năng, việc huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở kỹ thuật về cấp thoát nước, xử lý chất thải đã được đẩy mạnh nhưng chưa

theo kịp tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Việc thực hiện khoảng cách an toàn về môi trường đối với các công trình xử lý chất thải theo QCVN 14:2009 (Cách khu dân cư tối thiểu 3.000m, cách chân các công trình khác tối thiểu 1.000m) của Bộ Xây dựng hầu như khó thực hiện đối với các xã miền núi vì thiếu quỹ đất, khó khăn về địa hình, đường giao thông,...

- Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường tuy có tăng nhưng vẫn còn quá ít so với yêu cầu thực tế, dẫn đến phân tán, dàn trải, hiệu quả chưa cao.

- Lực lượng cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, cấp huyện, xã còn quá mỏng, chưa có cán bộ quản lý môi trường chuyên trách ở cấp xã, trong khi nhiều vấn đề môi trường lại xảy ra hàng ngày tại cơ sở.

- Đội ngũ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo tồn đa dạng sinh học còn thiếu và yếu về chuyên môn, năng lực, đa phần là cán bộ kiêm nhiệm, không được đào tạo chuyên môn trong lĩnh vực này.

3. Kiến nghị và đề xuất

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác bảo vệ môi trường ở địa phương nói riêng và cả nước nói chung, tỉnh Quảng Ngãi đề xuất, kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường một số nội dung chủ yếu sau:

- Quan tâm hỗ trợ kinh phí nhằm xử lý các khu vực và các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Kiện toàn lại tổ chức quản lý môi trường cấp tỉnh, cấp huyện, xã.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tài nguyên và môi trường từ Trung ương đến địa phương theo hướng tập trung quản lý, phân cấp cho địa phương và phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị tham gia quản lý rõ ràng, cụ thể để tránh sự chồng chéo hoặc đùn đẩy trách nhiệm.

- Xem xét xây dựng định mức biên chế trong lĩnh vực môi trường theo diễn biến phát triển kinh tế xã hội của đất nước, yêu cầu thực tiễn trong quản lý tại địa phương và trình Chính phủ phê duyệt để địa phương có cơ sở bố trí biên chế nhằm đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Cần ban hành và cụ thể hóa các chính sách nhằm khuyến khích, thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp.

- Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách nhằm thu hút đầu tư và khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm như miễn giảm thuế, cho vay ưu đãi, hỗ trợ tài chính đối với các doanh nghiệp thực hiện các giải pháp sản xuất sạch hơn, thực hiện quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 14000, tái chế, tái sử dụng chất thải, xử lý ô nhiễm,...

- Tăng cường đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức và kỹ năng quản lý

nhà nước về bảo vệ môi trường; xây dựng các tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền, đặc biệt đối với lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học. Các cấp, ngành ưu tiên đẩy mạnh công tác truyền thông về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Điều chỉnh phù hợp các văn bản pháp lý quy định khoảng cách an toàn về môi trường đối với công trình xử lý chất thải tùy theo khu vực (miền núi, nông thôn,...), quy mô và khối lượng tiếp nhận của công trình.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2019

1. Hỗ trợ xử lý các điểm ô nhiễm môi trường bức xúc ở địa phương

- Hỗ trợ xử lý, làm sạch nguồn nước; xử lý ô nhiễm không khí do hoạt động công nghiệp, xây dựng, giao thông ở khu công nghiệp, đô thị, đặc biệt là ô nhiễm bụi ở các khu vực nội thị, khu tập trung dân cư; xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh; đầu tư xây dựng các bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh; hỗ trợ hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn.

- Xử lý ô nhiễm môi trường các làng nghề, các điểm phát sinh dịch bệnh; khắc phục một số điểm nóng về môi trường do tồn dư của thuốc bảo vệ thực vật và chất độc da cam/dioxin.

2. Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường

- Kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với tình hình thực tế. Xây dựng cơ chế thực hiện, các mô hình quản lý bảo vệ môi trường ở địa phương.

- Xây dựng, ban hành các tiêu chí về môi trường để sàng lọc, lựa chọn các dự án đầu tư tại địa phương. Ban hành danh mục các ngành, lĩnh vực sản xuất tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường để hạn chế đầu tư ở tỉnh.

- Xây dựng và thực hiện chương trình quan trắc của địa phương, xây dựng báo cáo chuyên đề về môi trường và tổng hợp số liệu về môi trường hàng năm.

- Kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, nhập khẩu và sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học dùng trong nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; việc nhập khẩu phế liệu, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng gây nguy hại cho môi trường. Phối hợp với Tổng cục Môi trường giám sát tình hình nhập khẩu phế liệu của các cơ sở hoạt động trên địa bàn tỉnh, đồng thời chủ động tổ chức kiểm tra, xử lý khi có phản ánh kiến nghị của nhân dân.

- Nâng cao chất lượng thẩm định, đánh giá tác động môi trường. Xây dựng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; lồng ghép các nội dung bảo vệ môi trường vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát

triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn xả thải; các khu, cụm công nghiệp trong việc xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, lắp đặt hệ thống thiết bị kiểm soát, giám sát hoạt động xả thải theo quy định của pháp luật, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường. Tăng cường bảo vệ môi trường các lưu vực sông, cải thiện, phục hồi môi trường các khu vực bị ô nhiễm.

- Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm cả kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các nội dung trong các loại hồ sơ môi trường đã được phê duyệt, xác nhận, đăng ký,...

- Tập trung giám sát các dự án lớn, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường cao, bảo đảm không để xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Điều tra, thống kê chất thải, đánh giá tình hình ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường.

3. Quản lý chất thải

- Triển khai thực hiện Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 03/02/2019 tại Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 01/2019 về thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn.

- Tăng cường quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại ở các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

- Tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn, trọng tâm là việc phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, nâng cao năng lực thu gom; triển khai một số mô hình điểm về xử lý chất thải nông thôn, làng nghề của địa phương; vận hành hoạt động các bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh.

- Xây dựng cơ chế giảm thiểu, quản lý chặt chẽ rác thải nhựa từ đất liền ra đại dương.

- Có chính sách thu hút xã hội hóa công tác xử lý chất thải (đặc biệt là chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn), lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn phù hợp.

4. Bảo tồn đa dạng sinh học

- Nâng cao năng lực quản lý và thực thi Luật Đa dạng sinh học đến các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện tốt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 đã được tỉnh phê duyệt.

- Phòng ngừa, ngăn chặn sự xâm nhập của sinh vật ngoại lai, sinh vật

biến đổi gen gây ảnh hưởng sâu đến môi trường.

- Điều tra, khảo sát, đánh giá và bảo tồn các giống loài động vật, thực vật, vi sinh vật quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng trong danh mục cần bảo vệ theo thẩm quyền của địa phương.

- Bảo vệ các vùng đất ngập nước, rừng ngập mặn, cửa sông và khu vực bảo tồn các giống loài động vật, thực vật, vi sinh vật quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng trong danh mục cần bảo vệ theo thẩm quyền của địa phương.

- Bảo vệ các vùng đất ngập nước, rừng ngập mặn, cửa sông và khu ven biển, các hệ sinh thái thủy sinh; phát triển và mở rộng các khu bảo tồn thiên nhiên.

5. Tăng cường năng lực quản lý môi trường

- Tăng cường năng lực tổ chức cơ quan chuyên môn và cán bộ bảo vệ môi trường các cấp. Xây dựng và thực hiện phương án về tổ chức, cán bộ của các cơ quan để đảm bảo thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn theo đúng Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 03/02/2019 của Chính phủ. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý môi trường các cấp; triển khai có hiệu quả Đề án Kiện toàn tổ chức bộ máy và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý môi trường từ trung ương đến địa phương giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức cho cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường các cấp; mở các chuyên mục về bảo vệ môi trường trên Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, trên Đài Truyền thanh các huyện, thành phố; hỗ trợ xuất bản tập san về tài nguyên và môi trường. Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm về bảo vệ môi trường ở tỉnh bạn; đối thoại, chia sẻ, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường...

- Tiếp tục duy trì vận hành hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động liên tục.

- Xây dựng, đưa vào hoạt động và thống nhất quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về môi trường, đa dạng sinh học và an toàn sinh học. Thống kê môi trường, xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

- Hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp.

- Xây dựng và triển khai các mô hình bảo vệ môi trường, mô hình tự quản tiên tiến ở địa phương.

- Hỗ trợ thực hiện các dự án, nhiệm vụ hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

6. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi

trường

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa thân thiện với môi trường, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là công tác phân loại chất thải rắn tại nguồn và hạn chế sử dụng túi ni lông dùng một lần.

- Nghiêm túc thực hiện các nội dung UBND tỉnh đã chỉ đạo tại Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 29/5/2019 về thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

7. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 565/KH-UBND ngày 07/02/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2807/QĐ-BTNMT ngày 06/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường.

- Tiến hành rà soát toàn bộ các tác động đối với môi trường, các yêu cầu về công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, các quy chuẩn áp dụng, chương trình giám sát môi trường của các dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó tập trung rà soát các dự án đầu tư lớn, có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường; kiến nghị điều chỉnh nếu cần thiết. Trên cơ sở đó, xác định các dự án cần ưu tiên quản lý, giám sát, kiểm tra chặt chẽ trong quá trình vận hành thử nghiệm.

- Tổ chức điều tra, đánh giá, lập danh sách, giám sát các lĩnh vực công nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, các loại hình, các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, địa bàn nhạy cảm có khả năng xảy ra sự cố môi trường để phân loại theo các mức độ ô nhiễm, rủi ro đối với môi trường. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát phù hợp đối với từng nhóm đối tượng được phân chia theo danh mục mức độ ô nhiễm.

- Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát đặc biệt đối với các dự án, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ lớn, tiềm ẩn nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường trên diện rộng thông qua các Tổ công tác liên ngành, chương trình kiểm tra định kỳ, chế độ giám sát đặc biệt như quan trắc online tự động liên tục và kết nối số liệu trực tuyến với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ở Trung ương cũng như ở tỉnh, xây dựng hồ chỉ thị sinh học để kiểm chứng chất lượng nước thải sau xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Rà soát quy hoạch, nhu cầu xử lý, chôn lấp, năng lực đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của các cơ sở xử lý, chôn lấp chất thải trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung hướng dẫn địa phương rà soát, xây dựng quy hoạch quản lý chất thải rắn trên cơ sở đánh giá, dự báo nhu cầu xử lý, chôn lấp chất thải, khả năng đáp ứng của các cơ sở xử lý, chôn lấp chất thải trong và ngoài địa bàn.

Bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và có kế hoạch cụ thể xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, đóng cửa các cơ sở xử lý, bãi chôn lấp chất thải không đạt yêu cầu. Phối hợp với các địa phương điều phối, liên kết giữa các cơ sở, bãi chôn lấp trong vùng hoặc trên cả nước để xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại tồn đọng (*Chi tiết các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường giai đoạn 3 năm 2020-2022 tại Phụ lục 2 kèm theo*).

Kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP, KT, TH, CNXD, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh435).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tăng Bính

Phụ lục 1:
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2017 - 2019
(Kèm theo Công văn số 4352/UBND-NNTN ngày 02/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ/ dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được	Ghi chú
-	Tổng công	-	284,014	80,508	111,619	105,201	-	-	-	-
1	Sở Tài nguyên và Môi trường		64,803	20,547	32,487	25,082				
1.1	Đầu tư hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động liên tục	2017	685	685	0	0	Chi cục Bảo vệ môi trường	100		
1.2	Xử lý ô nhiễm kho thuốc bảo vệ thực vật Hợp tác xã Nông nghiệp Quyết Thắng, huyện Tư Nghĩa và kho thuốc bảo vệ thực vật Hợp tác xã nông nghiệp Phổ Cường, huyện Đức Phổ	2017	14,816	14,816	0	0	Chi cục Bảo vệ môi trường	100		
1.3	Xử lý ô nhiễm môi trường tại kho thuốc bảo vệ thực vật Núi Voi, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa và kho thuốc bảo vệ thực vật Hợp tác xã nông nghiệp Phổ Minh, huyện Đức Phổ	2018	34,369	0	27,169	7,200	Chi cục Bảo vệ môi trường	97		
1.4	Xử lý ô nhiễm môi trường tại kho thuốc bảo vệ thực vật Dốc Trạm	2019				13,313	Chi cục Bảo vệ môi trường			
1.5	Duy trì vận hành hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động liên tục	Hàng năm, bắt đầu từ 2018	290	0	150	140	Chi cục Bảo vệ môi trường			
1.6	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi năm 2019		535	175	180	180	Chi cục Bảo vệ môi trường			
1.7	Phí thẩm định báo cáo ĐTM và phương án cải tạo PHMT	2017-2019	1,945	480	745	720				
1.8	Kiểm tra, kiểm soát MT các nhà máy, các cơ sở SXKD gây ô nhiễm; Hậu kiểm các dự án sau khi được phê duyệt ĐTM, Kế hoạch BVMT.	2018	445	105	200	140	Chi cục Bảo vệ môi trường			
1.9	Khảo sát, đánh giá hiện trạng và dự báo chất thải rắn công nghiệp nguy hại phát sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và đề xuất các biện pháp	2017	349	349			Chi cục Bảo vệ môi trường			

	quản lý									
1.10	Tổ chức Ngày hội môi trường tỉnh Quảng Ngãi, trao Giải thưởng môi trường tỉnh Quảng Ngãi 2018	2018	257		257			Chi cục Bảo vệ môi trường		
1.11	Tập huấn hướng dẫn xây dựng mô hình quản lý môi trường dựa vào cộng đồng cho huyện đảo Lý Sơn	2018	65		65			Chi cục Bảo vệ môi trường		
1.12	Tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, cán bộ thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học cấp xã của 6 huyện miền núi	2018	88		88			Chi cục Bảo vệ môi trường		
1.13	Hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường cho các xã có kế hoạch về đích đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018	2018	63		63			Chi cục Bảo vệ môi trường		
1.14	Xây dựng bộ tài liệu cơ bản về công tác bảo tồn đa dạng sinh học cho các địa phương, trong đó phân bổ số lượng lớn ưu tiên cho các huyện miền núi)	2018	119		119			Chi cục Bảo vệ môi trường		
1.15	Treo băng rôn hưởng ứng chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn	2018	4		4			Chi cục Bảo vệ môi trường		
1.16	Phát hành Bản tin tài nguyên và môi trường	Hàng năm	375	105	140	130		T T Công nghệ thông tin		
1.17	Quan trắc môi trường trên địa bàn Tỉnh Quảng Ngãi	2017, 2018	5,157	1,558	1,727	1,872		Trung tâm Trắc địa và Quan trắc Môi trường Văn phòng Sờ		
1.18	Các nhiệm vụ thực hiện KH ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020	2017-2020	364	224	140			Chi cục Biển và Hải đảo		
1.19	Xây dựng chương trình quan trắc môi trường tổng hợp đới bờ tỉnh Quảng Ngãi	2017	160	160				Chi cục Biển và Hải đảo		
1.20	Các nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020	2017-2020	751	224	140	387		Chi cục Biển và Hải đảo		
1.21	Vốn điều lệ (bổ sung để đủ 20 tỷ đồng)	2017	1,567	1,567				Quỹ Bảo vệ môi trường		
1.22	Thuê trụ sở	2017	99	99				Quỹ Bảo vệ môi trường		

1.23	Vốn bổ sung hàng năm	2017-2019	2,300		1,300	1,000	Quỹ Bảo vệ môi trường			
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		77			77				
	Tập huấn truyền về thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	2019	77		0	77	Chi cục Trồng trọt và BVTV Quảng Ngãi	100	700 nông dân tham gia	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo		0							
4	Sở Y tế		24,500	14,000	6,000	4,500				
	Nhiệm vụ thường xuyên									
4.1	Phân loại, thu gom, vận chuyển, lưu giữ chất thải rắn y tế; Thu gom và xử lý nước thải; Quan trắc môi trường định kỳ; Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý chất thải y tế; Giám sát môi trường; Giám sát chất lượng nước thải; Lập đề án chi tiết bảo vệ môi trường độc hại do chất thải gây ra và lập hồ sơ chi tiết xả thải vào nguồn nước....	03 năm Năm 2017, 2018, 2019 ngành y tế chưa được giao dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường đối với nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	Các cơ sở y tế khám, chữa bệnh công lập	0	Môi trường các cơ sở khám, chữa bệnh xanh – sạch – đẹp; nước thải ra môi trường đảm bảo tiêu chuẩn; ý thức của cán bộ, nhân viên y tế về bảo vệ môi trường được nâng cao....	
	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng									
4.2	Dự án công trình cải tạo, nâng cấp xây dựng hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn y tế cải thiện môi trường Bệnh viện Đa khoa Dung Quất	02 năm (2017-2018)	14,000	14,000	0	0	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	100%	Đảm bảo theo quy định	7 tỷ vốn chi NSSFN môi trường TW; 7 tỷ vốn NS địa phương
4.3	Dự án công trình cải tạo, nâng cấp xây dựng hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn y tế cải thiện môi trường Bệnh viện đa khoa thành phố Quảng Ngãi	02 năm (2018-2019)	10,500	0	6,000	4,500	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	100%	Đảm bảo theo quy định	10,5 tỷ vốn NS địa phương
5	Sở Công Thương									
6	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh		49,898	14,511	19,479	15,908				
	Nhiệm vụ chuyên môn									

6.1	Điều tra, đánh giá sức chịu tải sông Trà Bồng phục vụ phát triển KKT Dung Quất	Năm 2017	720	720			BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	100	Điều tra, khảo sát; xây dựng mô hình tổng hợp xác định tải lượng giới hạn cho các nguồn thải được phép thải ra sông Trà Bồng
6.2	Điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu chất thải rắn trên địa bàn KKT Dung Quất	Năm 2017	175	175			BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	86	Thu thập số liệu; Điều tra, khảo sát; Đề xuất xây dựng mô hình quản lý chất thải rắn
6.3	Đầu tư nâng cao năng lực quan trắc, giám sát môi trường	Từ năm 2017-2019	2,098	852	571	675	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	100	Xây dựng CSDL về Chương trình quan trắc môi trường, dữ liệu về hồ sơ thủ tục môi trường của các DN trên địa bàn KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi; đầu tư, nâng cao năng lực quan trắc môi trường.
6.4	Đánh giá hiện trạng xả thải và đề xuất các biện pháp quản lý các nguồn thải trên địa bàn KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Năm 2018	569		569		BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	81	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu; đánh giá hiện trạng xả thải và đề xuất biện pháp quản lý các nguồn thải trên địa bàn
6.5	Quy hoạch bãi thải trên địa bàn KKT Dung Quất	Năm 2018-2019	788		527	261	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	100	Cấm mốc quy hoạch bãi thải trên địa bàn KKT Dung Quất
6.6	Đánh giá và đề xuất các giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường biển ven bờ Khu kinh tế Dung Quất	Năm 2019	855			855	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	100	Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm ven bờ; công tác bảo vệ môi trường vùng biển ven bờ và đề xuất biện pháp quản lý các nguồn thải ra vùng biển ven bờ trên địa bàn KKT Dung Quất.
Nhiệm vụ thường xuyên									
6.7	Thực hiện Quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Theo từng năm	2,814	873	861	1,080	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	100	Lấy mẫu, phân tích mẫu, điều tra thu thập số liệu và báo cáo kết quả quan trắc môi trường và kiểm soát các nguồn thải trên địa bàn KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi

6.8	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt) trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất.	Theo từng năm	24,420	6,395	8,125	9,900	Công ty Cp cơ điện Môi trường Lilama	100	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn KKT Dung Quất
6.9	Vận hành các trạm xử lý nước thải, thu gom CTR Đô thị Vạn Tường	Theo từng năm	3,345	1,572	873	900	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	100	Quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng thường xuyên 02 Trạm xử lý nước thải số 04 và số 05
6.10	Thực hiện các nhiệm vụ quản lý, giám sát bảo vệ môi trường ở KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Theo từng năm	2,796	924	873	999	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	100	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hội nghị phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường; kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp,...
6.11	Hỗ trợ kinh phí vệ sinh môi trường cho dân do không thu được phí vệ sinh từ các hộ dân trong 03 năm 2014-2016	Năm 2018	2,741		2,741		Công ty Cp cơ điện Môi trường Lilama	100	Hỗ trợ việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn KKT Dung Quất từ năm 2014-2016
Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường									
6.12	Xử lý triệt để các chất thải nguy hại đã chôn lấp tại ô chôn hiện hữu của Khu xử lý chất thải rắn Bình Nguyên	2017-2018	8,577	3,000	4,339	1,238	Công ty Cp cơ điện Môi trường Lilama	100	Xử lý triệt để các chất thải nguy hại đã chôn lấp tại ô chôn hiện hữu của Khu xử lý chất thải rắn Bình Nguyên
7	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		94		94				
	Khảo sát và xử lý chất độc CS	Từ tháng 3 đến tháng 10/2018	94		94				
8	Công an tỉnh		1,408	524	524	360			
	Chi hoạt động nghiệp vụ	01/01/2017 đến 30/7/2019	1,408	524	524	360	PC05		
9	Tỉnh đoàn Quảng Ngãi								
10	Đoàn Khối các cơ quan tỉnh Quảng Ngãi								
11	Hội Phụ nữ tỉnh								
12	Huyện Nghĩa Hành		6,417	1,081	2,335	3,000			
Nhiệm vụ chuyên môn									
Nhiệm vụ thường xuyên									
Hỗ trợ ô nhiễm môi trường sau bão, mưa, lũ									
12.1	Hỗ trợ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	2017.2018	470	300	170		Phòng TN và MT, UBND các xã, thị trấn	100	Thu gom, xử lý rác thải, xác súc vật, cây cối sau mưa bão

12.2	Lắp đặt ống bi đặt tại đồng ruộng	2017	377	377			Phòng TNMT	100	Xây dựng 40 ống bi đặt tại các xã, thị trấn	
12.3	Tuyên truyền môi trường	2017, 2018, 2019	611	183	398	30	Phòng TNMT	100	Sửa chữa 10 pano, làm mới 02 pano, 60 băng rôn	
12.4	Mua thùng đựng rác	2017	222	222			Phòng TNMT	100	Trang bị thùng đựng rác đặt tại các chợ trên địa bàn huyện	
12.5	Mua cây xanh, cây có hoa tạo cảnh quan môi trường nông thôn mới	2018	228		228		Phòng TNMT	100	Hỗ trợ 5136 cây (Trang Nhật, Dâm Bụt Thái, Hồng Lộc) cho các xã, thị trấn trồng trên các tuyến đường	
12.6	Quan trắc nguồn nước	2018	40		40		Phòng TNMT	100	Quan trắc 27 thông số chất lượng nước dưới đất	
12.7	Hỗ trợ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải	2018.2019	4,000		1,500	2,500	Phòng TNMT	100	Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn huyện	
12.8	Hỗ trợ thực hiện phong trào chống rác thải nhựa	2019	200			200	Phòng TNMT, UBND các xã, thị trấn	100	thực hiện phong trào chống rác thải nhựa	
12.9	Nhiệm vụ khác	2019	270			270	Phòng TNMT, UBND các xã, thị trấn	100		
13	Huyện Sơn Tịnh		9,320	2,427	2,863	4,030				
	Nhiệm vụ chuyên môn									
*	Nhiệm vụ chuyển tiếp									
13.1	Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt	Năm 2017, 2018 và 2019	4,060	1,400	1,360	1,300	UBND các xã			
13.2	Xử lý rác thải sinh hoạt được thu gom	Năm 2017, 2018 và 2019	3,135	316	819	2,000	Phòng Tài nguyên và Môi trường			Kinh phí có mục tiêu tỉnh cấp
13.3	Thu thập, tổng hợp báo cáo công tác bảo vệ môi trường	Năm 2017, 2018 và 2019	576	194	182	200	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Báo cáo	
13.4	Mua sắm thiết bị thu gom rác	Năm 2018, 2019	900	300	300	300	Phòng Tài nguyên và Môi trường			
	Nhiệm vụ thường xuyên									
13.5	Quan trắc, đánh giá chất lượng Môi trường và kiểm soát môi trường	Năm 2017, 2018 và 2019	298	100	98	100	Phòng Tài nguyên và Môi trường			

13.6	Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường	Năm 2017, 2018 và 2019	121	27	44	50	Phòng Tài nguyên và Môi trường			
13.7	Hưởng ứng các ngày lễ, tuần lễ về môi trường;	Năm 2017, 2018 và 2019	110	50	30	30	Phòng Tài nguyên và Môi trường		Các hoạt động hưởng ứng	
13.8	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật môi trường và nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường	Năm 2017, 2018 và 2019	100	40	30	30	Phòng Tài nguyên và Môi trường			
13.9	Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường	Năm 2019	20			20	Phòng Tài nguyên và Môi trường			
14	Huyện Đức Phổ		49,560	6,872	20,886	21,802				
	Nhiệm vụ chuyên môn									
*	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>									
14.1	Trồng và chăm sóc cây xanh	2017	3,597	3,597			Đội Vệ sinh môi trường	100%		
*	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>									
	Nhiệm vụ thường xuyên									
14.2	Hỗ trợ xử lý rác bằng công nghệ đốt (thực hiện theo Phương án xã hội hóa theo Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của UBND huyện Đức Phổ) 50 tấn rác /1 ngày x 30 ngày x 12 tháng = 18.000 tấn/năm	2018	7,044		7,044		Phòng Kinh tế hạ tầng	100%	Môi trường xanh - sạch - đẹp	Đơn giá ước tính 450.000đ/tấn rác
14.3	Hỗ trợ dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt (Đơn giá theo Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi) 50 tấn rác/1 ngày x 30 ngày x 12 tháng = 18.000 tấn rác /năm	2018	6,500		6,500		Phòng Kinh tế hạ tầng	100%	Môi trường xanh - sạch - đẹp	Đơn giá ước tính 428.000đ/tấn rác (Đã trừ thu phí)
14.4	Hỗ trợ xử lý lượng rác còn tồn đọng tại Bãi rác Phổ Thạnh bằng công nghệ đốt 20.000 tấn rác x 450.000đ/tấn rác	2018	2,500		2,500		Phòng Kinh tế hạ tầng	100%	Môi trường xanh - sạch - đẹp	Đơn giá ước tính 450.000đ/tấn rác
14.5	Hỗ trợ thu gom, vận chuyển và xử lý rác (kể cả xử lý bãi rác phía Nam huyện tại xã phổ Thạnh)	2017, 2019	11,252	2,252		9,000	Phòng Kinh tế hạ tầng	100%	Môi trường xanh - sạch - đẹp	
14.6	Trồng và chăm sóc cây xanh	2018, 2019	14,150		3,000	11,150	Phòng Kinh tế hạ tầng	100%	Môi trường xanh - sạch - đẹp	

14.7	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường ...	2017-2019	2,397	373	1,012	1,012	UBND xã, thị trấn	100%	Nâng cao nhận thức về pháp luật môi trường
14.8	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và phân loại rác tại nguồn	2017-2019	768	163	372	233	Phòng Tài nguyên và Môi trường	100%	Nâng cao nhận thức về pháp luật môi trường
14.9	Quan trắc môi trường và lập báo cáo giám sát định kỳ hiện trạng môi trường	2017-2019	1,352	487	458	407	Phòng Tài nguyên và Môi trường	100%	Kết quả mẫu quan trắc
15	Huyện Mộ Đức		12,027	1,583	4,930	5,513			
	Nhiệm vụ chuyên môn								
*	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>								
15.1	Đầu tư xây dựng khu xử lý rác thải sinh hoạt xã Đức Lâm bằng công nghệ lò đốt đạt chuẩn	2017 -2019	4,059	0	2,159	1,900	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	74%	Hiện nay đã hoàn thành việc xây dựng các hạng mục và lắp đặt thiết bị; đang vận hành thử nghiệm, lấy mẫu khí thải
15.2	Đầu tư, nâng cấp khu xử lý rác thải sinh hoạt xã Đức Nhuận bằng công nghệ lò đốt đạt chuẩn	2017 - 2019	1,645	0	1,165	480	UBND xã Đức Nhuận	71%	Hiện nay đã hoàn thành việc xây dựng các hạng mục và lắp đặt thiết bị; đang vận hành thử nghiệm, lấy mẫu khí thải
*	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>								
15.3	Mua sắm thùng rác cấp cho các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có nhu cầu	2017, 2019	750	400	0	350	Phòng TN&MT huyện	0%	Năm 2017, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã mua sắm 239 thùng rác 240 lít cấp cho các xã, thị trấn, trường học, cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện, đã quyết toán xong; năm 2019 đang triển khai thực hiện
	Nhiệm vụ thường xuyên								
15.4	Bù lỗ hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Hàng năm	3,633	774	1,035	1,824	Hạt Quản lý và Sửa chữa đường bộ huyện, UBND các xã, thị trấn	100%	Thu gom rác thải trên địa bàn 13/13 xã, thị trấn thuộc huyện với tỷ lệ rác thải được thu gom đạt khoảng 72%

15.5	Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng	Hàng năm	1,071	240	212	620	Phòng TN&MT huyện, Đài truyền thanh huyện, UBMTTQVN huyện, các hội, đoàn thể	9.69%	
15.6	Kiểm tra việc thực thi pháp luật bảo vệ môi trường	Hàng năm	60	20	20	20	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Công an huyện, UBND các xã, thị trấn	0%	
15.7	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường của UBND huyện Mộ Đức	Hàng năm	359	0	189	170	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	0%	Đang triển khai thực hiện năm 2019; năm 2018 đã thực hiện xong
15.8	Thực hiện kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện	Hàng năm	449	149	150	150	Phòng TN&MT huyện	0%	
16	Huyện Tư Nghĩa		15,492	5,023	4,999	5,470			
16.1	Công tác tuyên truyền về môi trường	2017 - 2019	45	15	15	15	Phòng Tài nguyên và Môi trường	100%	Tuyên truyền sâu rộng đến tầng lớp nhân dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường
16.2	Công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt	2017 – 2019	15,447	5,008	4,984	5,455	Phòng Tài nguyên và Môi trường	100%	Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp
17	Huyện Minh Long		5,002	834	1,834	2,334			
	Nhiệm vụ thường xuyên								
17.1	Hưởng ứng các ngày lễ môi trường	Hàng năm	416	83	137	196	Phòng TNMT, Huyện đoàn	51%	Nâng cao nhận thức cộng đồng
17.2	Hỗ trợ công tác thu gom, xử lý rác	Hàng năm	961	312	327	322	Phòng KTHT	100%	xử lý rác
17.3	Trả nợ Mở rộng bãi chôn lấp rác thải của huyện	Hàng năm	226	226	0	0	Phòng TNMT	0%	Bãi chôn rác thải
17.4	Mua thùng rác công cộng	Hàng năm	92	0	92	0	Phòng TNMT	0%	Thu gom rác
17.5	Trồng và chăm sóc cây xanh	Hàng năm	192	45	87	60	Phòng TNMT	100%	Tạo cảnh quan
17.6	Kiểm tra Môi trường, khoáng sản	Hàng năm	50	25	0	25	Phòng TNMT,	0%	Bảo vệ MT
17.7	Chi hợp đồng lao động	Hàng năm	35	0	35	0	Phòng TNMT	0%	Bảo vệ MT
17.8	Chi hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường	Hàng năm	46	0	0	46		0%	Bảo vệ MT
17.9	Nâng cao ý thức về bảo tồn đa dạng sinh học	Hàng năm	29	9	0	20		100%	Bảo vệ MT
17.10	Lập báo cáo môi trường	Hàng năm	54	0	23	31	Phòng TNMT	0%	Bảo vệ MT

17.11	Sự nghiệp môi trường thường xuyên cho các xã	Hàng năm	402	134	134	134	Các xã		Bảo vệ MT	
	Hỗ trợ có mục tiêu		2,500	0	1,000	1,500	phòng TNMT		Bảo vệ MT	
18	Huyện Trà Bồng									
19	Huyện Sơn Tây		5,283	1,493	1,620	2,170				
	Nhiệm vụ chuyên môn									
	Nhiệm vụ chuyển tiếp									
19.1	Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt	Năm 2017, 2018 và 2019	1,620	420	600	600	UBND các xã	63%		
19.2	Xử lý rác thải sinh hoạt được thu gom	Năm 2017, 2018 và 2019	202	102		100	Phòng Tài nguyên và Môi trường	50,5%		
19.3	Mua sắm thiết bị thu gom rác	Năm 2018, 2019	647	257	160	230	Phòng Tài nguyên và Môi trường	64,5%		
19.4	Mở rộng hố rác xã Sơn Tân	2017	1,392	642		750	Phòng Tài nguyên và Môi trường	46,12%		
19.5	Nâng cấp hố rác ở xã Sơn Tinh	2018	600			600	Phòng Tài nguyên và Môi trường	100%		
19.6	Trồng cây xanh bảo vệ môi trường tại các hố rác	2019	300			300	Phòng Tài nguyên và Môi trường	chưa giải ngân		
	Nhiệm vụ thường xuyên									
19.7	Hưởng ứng các ngày lễ, tuần lễ về môi trường;	Năm 2017, 2018 và 2019	152	32	30	90	Phòng Tài nguyên và Môi trường	40,1%	Các hoạt động hưởng ứng	
19.8	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật môi trường và nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường	Năm 2017, 2018 và 2019	370	40	230	100	Phòng Tài nguyên và Môi trường	73%		
20	Huyện Sơn Hà		5,434	1,275	1,747	2,412				
20.1	Hưởng ứng các ngày về môi trường	Hàng năm	286	84	52	150	Phòng TNMT	100%		
20.2	Mua thùng rác phục vụ cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải	2018-2019	850	50	300	500	Phòng TNMT	50%		
20.3	Công tác chăm sóc cây xanh	Hàng năm	1,541	456	496	590	Phòng TNMT	60%		
20.4	Trồng cây xanh đô thị tại thị trấn di Lăng, lễ ra quân trồng cây vì môi trường xanh - sạch - đẹp	2018-2019	750	200	400	150	Phòng TNMT	100%		
20.5	Tuyên truyền cộng đồng về bảo vệ môi trường bằng tiếng Hre, triển khai Luật Bảo vệ môi trường	2019	50			50	Phòng TNMT	0%		
20.6	Chi cho công tác thu gom, vận chuyển xử lý rác thải trên địa bàn huyện	Hàng năm	1,574	485	499	590	Phòng TNMT	75%		

20.7	Mua sắm trang thiết bị máy móc phục vụ text nhanh các tiêu chuẩn môi trường và làm pa no về môi trường	2019	132		132	Phòng TNMT	0%	
20.8	Phân loại, xử lý rác hữu cơ thành phân vi sinh	2019	250		250	Phòng TNMT	0%	
21	Huyện Tây Trà		3,600	1,550	2,050			
21.1	Hợp đồng với Đội phụ trách vệ sinh môi trường thu gom, vận chuyển rác thải	Định kỳ hàng năm	492	218	274	Phòng TN-MT	100	Giảm thiểu ô nhiễm tại khu vực Trung tâm huyện.
21.2	Hợp đồng lao động lái xe, nhiên liệu hoạt động của xe, bảo hiểm, bảo trì, sửa chữa xe theo định kỳ.	Định kỳ hàng năm	278	138	140	Phòng TN-MT	100	Thu gom, vận chuyển, xử lý gần 700 tấn rác/năm
21.3	Hỗ trợ thanh tra, tuyên truyền, tập huấn công tác bảo vệ môi trường,	Định kỳ hàng năm	236	100	136	Phòng TN-MT	100	Nâng cao nhận thức trong cộng đồng, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường
21.4	Hỗ trợ xử lý chất thải tại khu vực Trung tâm huyện và 9/9 xã	2018, 2019	1,121	574	547	Phòng TN-MT	30	Nạo vét, khai thông gần 100 km nương thoát nước và thu dọn, xử lý hắt thải tại các trường học, khu dân cư trên địa bàn 9 xã.
21.5	Hợp đồng với cán bộ làm công tác môi trường	2018	93	93		Phòng TN-MT	100	Tăng cường công tác quản lý môi trường
21.6	Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh tự hoại cho hộ gia đình nghèo, hộ chính sách.	2018	288	288		Phòng TN-MT	100	Xử lý chất thải tại các hộ gia đình, cá nhân
21.7	Hỗ trợ cho Tổ tự quản bảo vệ môi trường	2018, 2019	240	120	120	Phòng TN-MT	100	Giảm thiểu ô nhiễm trên địa bàn huyện.
21.8	Hỗ trợ xây dựng các lò đốt rác thủ công cho các trường học và nhóm hộ gia đình trên địa bàn huyện	2019	595		595		100	tăng cường xử lý chất thải tại các hộ gia đình, cá nhân và các trường học
21.9	Hỗ trợ xử lý rác thải tại bãi chôn lấp rác thải của huyện	2019	238		238			Xử lý tình trạng ô nhiễm tại khu vực bãi rác
21.10	Chi xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường	2018	19	19		Phòng TN-MT	100	
22	Huyện Ba Tơ		5,376	860	2,246	2,270		
22.1	Tuyên truyền, kiểm tra xác nhận KHBVMT, hỗ trợ thu gom, kiểm tra BVMT		1,779	283	1,326	170		
22.2	Thu gom, vận chuyển rác và xử lý rác thải tại Thị trấn Ba Tơ		3,597	577	920	2,100		
23	Huyện Lý Sơn		29,158	9,516	9,600	10,043		
	Nhiệm vụ chuyên môn							

*	Nhiệm vụ thường xuyên								
23.1	Chi thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt	15,114	4,894	4,894	5,326	Phòng Tài nguyên và Môi trường			
23.2	Chi công tác xử lý rác thải rắn sinh hoạt	13,684	4,544	4,544	4,596	Phòng Tài nguyên và Môi trường			
23.3	Chi công tác ra quân dọn vệ sinh các ngày lễ, tết	47	10	10	28	Phòng Tài nguyên và Môi trường			
23.4	Chi công tác tuyên truyền	58	18	18	22	Phòng Tài nguyên và Môi trường			
23.5	Chi hưởng ứng các ngày lễ	164	51	51	63	Phòng Tài nguyên và Môi trường			
23.6	Công tác kiểm tra môi trường	8			8	Phòng Tài nguyên và Môi trường			
*	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	84	0	84	0	Phòng Tài nguyên và Môi trường			
24	Thành phố Quảng Ngãi								
25	Huyện Bình Sơn								

Phụ lục 2:
TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2020, GIAI ĐOẠN 2020 - 2022
(Kèm theo Công văn số 4352/UBND-NNTN ngày 02/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết năm 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí dự kiến năm 2021	Kinh phí dự kiến năm 2022	Ghi chú
	Tổng cộng							804,966	124,864	291,785	238,561	266,300	
1	Sở Tài nguyên và Môi trường							102,907	31,252	40,972	31,382	30,553	
1.1	Báo cáo Hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020	Khoản 2, Điều 137, Luật Bảo vệ môi trường			Báo cáo Hiện trạng môi trường	Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi	Năm 2020	318	0	318	0	0	
1.2	Khảo sát, đánh giá và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, lưu giữ, trung chuyển CTNH đối với các chủ nguồn thải CTNH có số lượng CTNH phát sinh thấp hơn 600 (sáu trăm) kg/năm, chủ nguồn thải CTNH trên địa bàn huyện Lý Sơn	Khoản 1, Điều 24, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường				Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi	Năm 2020	90	0	90	0	0	
1.3	Thanh toán kinh phí còn thiếu của nhiệm vụ xử lý thuốc BVTV tồn dư tại kho thuốc Núi Voi	Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi		xử lý ô nhiễm môi trường kho thuốc BVTV Núi Voi		Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi	Năm 2018	1,093	28,182	1,093	0	0	
1.4	Nâng cấp hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục		Đảm bảo vận hành hệ thống theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ			Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi	Năm 2020	459	0	126	151	181	

1.5	Duy trì việc vận hành hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động liên tục	Công văn số 6635/UBND-NNTN ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi				Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi	Từ năm 2018	841	290	231	277	333
1.6	Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường							417	126	126	139	152
1.7	Kiểm tra, kiểm soát MT các nhà máy, các cơ sở SXKD gây ô nhiễm; Hậu kiểm các dự án sau khi được phê duyệt ĐTM, Kế hoạch BVMT.		Đánh giá việc chấp hành các quy định về BVMT của các cơ sở SXKD	Kiểm tra định kỳ việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường, kiểm tra xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường	Các kết luận kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm	Chi cục Bảo vệ môi trường	Hàng năm	600	140	165	206	229
1.8	Xây lắp và vận hành trạm quan trắc tự động, liên tục chất lượng không khí xung quanh	Xét tính cần thiết của việc kiểm soát chất lượng không khí trên địa bàn tỉnh	- Kiểm soát chất lượng không khí tại các đô thị và KCN, KKT trên địa bàn tỉnh	Xây dựng trạm quan trắc		Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi		43,839		14,613	14,613	14,613
1.9	Xây lắp và vận hành trạm quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước mặt	Xét tính cần thiết của việc kiểm soát chất lượng không khí trên địa bàn tỉnh	- Kiểm soát chất lượng nước mặt tại các sông trên địa bàn tỉnh	Xây dựng trạm quan trắc		Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi		13,926		4,642	4,642	4,642
1.10	Công tác thẩm định báo cáo ĐTM và phương án cải tạo PHMT			Chi các hạng mục phục vụ công tác thẩm định ĐTM và Phương án cải tạo PHMT		Chi cục Bảo vệ môi trường	Hàng năm	3,456	720	1,056	1,200	1,200
1.11	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh		Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện công tác BVMT; từ đó đề xuất phương hướng và giải pháp BVMT trong thời gian đến	Theo Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo với các số liệu được cập nhật mới nhất	Chi cục Bảo vệ môi trường	Hàng năm	660	180	220	220	220

1.12	Tập huấn công tác bảo vệ môi trường					Chi cục Bảo vệ môi trường	Hàng năm	202		91	56	56
1.13	Tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường							0				
1.14	Tổ chức xét tặng Giải thưởng Môi trường của tỉnh năm 2020					Chi cục Bảo vệ môi trường	2020, 2022	194		97		97
1.15	Tổ chức các sự kiện hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới (05/6) và tháng hành động vì môi trường, kết hợp trao Giải thưởng Môi trường Quảng Ngãi năm 2020					Chi cục Bảo vệ môi trường	Hàng năm	467		156	156	156
1.16	Trang bị bảng đèn led truyền thông về môi trường					Chi cục Bảo vệ môi trường	2020	81		81		
1.17	Điều tra hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước và đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Khoản 3 Điều 15 Thông tư 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường				Phòng TNN - KTTV&BĐKH	Năm 2020	6,598		6,598		
1.18	Quan trắc môi trường hàng năm tỉnh Quảng Ngãi					Trung tâm Trắc địa và QTMT	Hàng năm	7,590		2,293	2,522	2,775
1.19	Các nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020											
1.20	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng trong ứng phó sự cố tràn	Quyết định số 304/QĐ-UB ngày 31/8/2015 của Ủy ban Quốc gia Tìm	Triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh Quảng Ngãi			Chi cục Biển và Hải đảo	Năm 2020	60		60		

	dầu	kiểm Cứu nạn phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định 1537/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện các hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020.	được Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn phê duyệt tại Quyết định số 304/QĐ-UB ngày 31/8/201											
1.21	Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công tác ứng phó sự cố tràn dầu					Chi cục Biển và Hải đảo	Năm 2020	80		80				
1.22	Cập nhật, phát triển Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu					Chi cục Biển và Hải đảo	Năm 2020	307		307				
1.23	Hoạt động của Ban Chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu và các bộ phận giúp việc					Chi cục Biển và Hải đảo	Năm 2020	30		30				
1.24	Lập quy hoạch chi tiết chuyên đồi và mở rộng Khu bảo tồn biển Lý Sơn thành Khu dự trữ sinh quyển thế giới Sa Huỳnh - Quảng Ngãi	Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Chuyển đồi khu bảo tồn theo các tiêu chí quy định của Luật Đa dạng sinh học.	Lập quy hoạch chi tiết chuyên đồi và mở rộng Khu bảo tồn biển Lý Sơn thành Khu dự trữ sinh quyển thế giới Sa Huỳnh - Quảng Ngãi		Chi cục Biển và Hải đảo	Năm 2020	3,000		3,000				
1.25	Dự án bảo vệ, phục hồi năng suất sinh học và khả năng cung cấp nguồn dinh dưỡng, nơi sinh sản của các hệ sinh thái rừng vùng cửa sông và ven biển		Bảo vệ nguồn gen đa dạng sinh học trong tự nhiên vùng đất ngập nước ven biển	Điều tra, khảo sát hiện trạng hệ sinh thái rừng vùng cửa sông và ven biển tỉnh Quảng Ngãi; Lập các dự án bảo vệ, phục hồi năng suất sinh học và khả năng cung cấp nguồn dinh dưỡng, nơi sinh sản của các hệ sinh thái rừng vùng cửa sông và ven biển.	Các dự án bảo vệ, phục hồi năng suất sinh học và khả năng cung cấp nguồn dinh dưỡng, nơi sinh sản của các hệ sinh thái rừng vùng cửa sông và ven biển	Chi cục Biển và Hải đảo	Năm 2020 - 2022	4,000		2,000	1,000		1,000	

1.26	Xây dựng cơ sở dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi về đa dạng sinh học biển phục vụ cho đánh bắt xa bờ			- Điều tra, kiểm kê đa dạng sinh học và xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học của tỉnh Quảng Ngãi. - Chia sẻ và tích hợp vào hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học cấp quốc gia.	Cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học của tỉnh Quảng Ngãi.	Chi cục Biển và Hải đảo	Năm 2020 - 2021	3,500		2,000	1,500		
1.27	Vốn bổ sung hàng năm	QĐ 53/2017/QĐ-UBND ngày 28/8/2017				Quỹ Bảo vệ môi trường		5,100	1,614	1,500	1,700	1,900	
1.28	Vốn điều lệ (bổ sung)							6,000			3,000	3,000	
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn							6,001	77	1,928	2,007	2,066	
	Nhiệm vụ chuyên môn												
*	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>												
*	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>												
2.1	Truyền thông nâng cao nhận thức về sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường	QĐ số 303/QĐ-UBND ngày 05/3/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi v/v phê duyệt đề án Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020	Thay đổi hành vi về sử dụng nước sạch và VSMT ở nông thôn. Cải thiện tình hình VSMT ở nông thôn	Mở các lớp truyền thông cho người dân	Thay đổi hành vi của người dân về sử dụng nước sạch và VSMT	TT Nước sạch và VSMT nông thôn Q.Ngãi	Năm 2020-2022	1,600		500	600	500	

2.2	Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng	QĐ số 303/QĐ-UBND ngày 05/3/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi v/v phê duyệt đề án Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020	Thay đổi hành vi về sử dụng nước sạch và VSMT ở nông thôn. Cải thiện tình hình VSMT ở nông thôn	Làm phóng sự truyền hình, Hợp đồng với báo Quảng Ngãi viết bài.	Các phóng sự tuyên truyền và bài báo tuyên truyền về nước sạch và VSMT	TT Nước sạch và VSMT nông thôn Q.Ngãi	Năm 2020-2022	600	200	200	200
2.3	Giám sát môi trường chăn nuôi của các cơ sở chăn nuôi tập trung	Quyết định 123/QĐ-UBND ngày 14/03/2016 của UBND tỉnh.QCVN 62-MT:2016/BTNMT Quy chuẩn về nước thải chăn nuôi	Giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải từ hoạt động chăn nuôi gây ra	Chủ trì kiểm tra, giám sát thường xuyên công tác xả thải của các trang trại chăn nuôi, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường.	Giảm thiểu ô nhiễm môi trường	Chi cục Chăn nuôi và Thú ý Quảng Ngãi	Năm 2020 và các năm tiếp theo	520	150	170	200
2.4	Điều tra, thống kê tổng lượng chất thải chăn nuôi của các trang trại quy mô lớn	Thông tư số 04/2010/TT-BNNPTNT ngày 15/01/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Đánh giá lượng chất thải, tính chất ô nhiễm nhằm có phương pháp xử lý phù hợp để bảo vệ môi trường	Điều tra, thống kê, tính toán lượng chất thải do hoạt động chăn nuôi trên của các trang trại chăn nuôi quy mô lớn trên địa bàn tỉnh	Tổng lượng chất thải chăn nuôi; đánh giá tình hình ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường.	Chi cục Chăn nuôi và Thú ý Quảng Ngãi	Năm 2020 và các năm tiếp theo	405	120	135	150
2.5	Điều tra, khảo sát, đánh giá và bảo tồn các giống động vật quý hiếm trong danh mục giống được bảo tồn	Quyết định 123/QĐ-UBND ngày 14/03/2016 của UBND tỉnh. Thông tư 01/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/01/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Nắm được danh mục, số lượng giống vật nuôi quý hiếm trên địa bàn tỉnh để có kế hoạch bảo tồn	Thực hiện điều tra, khảo sát thống kê, đánh giá	Số lượng loài, giống động vật quý có nguy cơ tuyệt chủng; Kế hoạch phục hồi, bảo tồn và phát triển các giống.	Chi cục Chăn nuôi và Thú ý Quảng Ngãi		670	200	220	250
2.6	Tập huấn tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường cho các cơ sở chăn nuôi, phổ biến các quy định của pháp	Quyết định 123/QĐ-UBND ngày 14/03/2016 của UBND tỉnh.	Nâng cao nhận thức của người chăn nuôi về công tác bảo vệ môi trường	Triển khai các nội dung, các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định về bảo vệ môi trường trong công	Thay đổi được nhận thức và hành vi của người chăn nuôi về ý thức bảo vệ môi	Chi cục Chăn nuôi và Thú ý Quảng Ngãi	Năm 2020 và các năm tiếp theo	450	130	150	170

	luật về bảo vệ môi trường			tác chăn nuôi	trường									
2.7	Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật và các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học cho cộng đồng và khách du lịch đến địa phương – năm 2020	Thông tư số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014; Thông tư 45/2010/LTLT-BTC-BTNMT ngày 30 tháng 3 năm 2019 và Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh	Cập nhật, tuyên truyền, phổ biến đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật có liên quan đến môi trường biển trong Khu bảo tồn biển Lý Sơn đến các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan biết và chấp hành đúng quy định của pháp luật.	In ấn tài liệu về bảo vệ MT biển, Tổ chức các chiến dịch làm sạch các bãi biển, Triển khai tập huấn cho cán bộ cơ sở, cán bộ các ban ngành, đoàn thể cấp xã, trưởng thôn và ngư dân sống trong và xung quanh Khu bảo tồn tại các xã có các hoạt động vận tải biển, dịch vụ du lịch sinh thái trên biển và ngư dân tham gia, đánh bắt, khai thác nguồn lợi thủy sản ven bờ trong Khu bảo tồn biển Lý Sơn.	Cán bộ cơ sở, cán bộ các ban ngành, đoàn thể xã, doanh nghiệp, cộng đồng ngư dân và khách du lịch tham quan đảo Lý Sơn hiểu, nắm bắt được, có ý thức hơn trong việc thực hiện các nội dung trong luật, thông tư, nghị định có các hoạt động ảnh hưởng đến môi trường, bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học mà nhà nước ban hành đã có hiệu lực	Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn	2019-2022	788	255	283	250			
2.8	Đánh giá, phân loại các làng nghề trên địa bàn tỉnh theo mức độ ô nhiễm môi trường	Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Nắm rõ được tình hình ô nhiễm môi trường tại các làng nghề. Kịp thời có biện pháp khắc xử lý tình hình ô nhiễm môi trường do hoạt động sản xuất chế biến của các làng nghề.	Quan trắc chất lượng môi trường không khí, nước mặt, nước ngầm tại các làng nghề. Đánh giá kết quả quan trắc.	Báo cáo	Chi cục Phát triển nông thôn Quảng Ngãi	2020, 2022	200	100		100			

2.9	Mở lớp tập huấn thực hiện “Bảo vệ môi trường làng nghề” tại các làng ô nhiễm dựa trên kết quả đánh giá phân loại	Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 04/06/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Nâng cao nhận thức của cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường	Triển khai về các nội dung BVMT làng nghề và các cơ sở sản xuất phải thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/6/2014 và có hiệu lực ngày 01/01/2015 và các văn bản liên quan.	Số lớp tập huấn	Chi cục Phát triển nông thôn Quảng Ngãi	2020	80		80					
	Nhiệm vụ thường xuyên														
*	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>														
*	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>														
2.10	Tập huấn tuyên truyền về thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường Hướng dẫn thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;	Nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của người nông dân trong việc thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trong sản xuất trồng trọt, góp phần bảo vệ môi trường nông nghiệp và đảm bảo an toàn thực phẩm, sức khỏe người tiêu dùng.	Tập huấn cho các bộ các hội đoàn thể, nông dân trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp về các văn bản qui phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp	Nông dân chủ chốt và cán bộ đoàn thể được tập huấn về các văn bản qui phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Quảng Ngãi	2019-2022	688	77	193	249	246			
3	Sở Giáo dục và Đào tạo							640		160	210	270			

3.1	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức cộng đồng về BVMT					Sở Giáo dục và Đào tạo	2020-2022	130		40	40	50
3.2	Tập huấn chuyên sâu về tuyên truyền, giáo dục về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững môi trường, xử lý chất thải, hạn chế sử dụng chất thải nhựa, chất thải khó phân hủy cho cán bộ, giáo viên các trường học trên địa bàn tỉnh					Sở Giáo dục và Đào tạo	2020-2022	120		0	50	70
3.3	Tổ chức các hội thi tìm hiểu bằng hình thức sân khấu hóa về các nội dung giáo dục quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững môi trường, đa dạng sinh học cho các trường học trên địa bàn tỉnh					Sở Giáo dục và Đào tạo	2020-2022	390		120	120	150
4	Sở Y tế							79,692	0	44,322	14,185	21,185
	Nhiệm vụ thường xuyên											

4.1	Phân loại, thu gom, vận chuyển, lưu giữ chất thải rắn y tế; Thu gom và xử lý nước thải; Quan trắc môi trường định kỳ; Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý chất thải y tế; Giám sát môi trường; Giám sát chất lượng nước thải; Lập đề án chi tiết bảo vệ môi trường độc hại do chất thải gây ra và lập hồ sơ chi tiết xả thải vào nguồn nước;	Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT; Thông tư 36/2015/TT-BTNMT...	Hạn chế ô nhiễm môi trường do chất thải rắn y tế; Hạn chế lây lan dịch bệnh; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường...	Trang bị túi đựng chất thải, hộp đựng vật sắc nhọn, thùng đựng chất thải y tế nguy hại; trang bị phương tiện bảo hộ lao động,...; đầu tư mới 03 hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại quy mô nhỏ (khoảng 18kg/giờ) và 03 hệ thống xử lý nước thải (100 m3/ngày đêm) cho Trung tâm YT Sơn Tây, Tây Trà, Lý Sơn.	Môi trường các cơ sở khám, chữa bệnh xanh – sạch – đẹp; nước thải ra môi trường đảm bảo tiêu chuẩn; ý thức của cán bộ, nhân viên y tế về bảo vệ môi trường được nâng cao....	Các cơ sở y tế khám, chữa bệnh công lập trong toàn tỉnh	2020-2022	22,692	0	8,322	7,185	7,185
Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng												
4.2	Đầu tư 03 hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại và 03 hệ thống xử lý nước thải cho Trung tâm Y tế huyện: Tây Trà, Sơn tây, Lý Sơn.	Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT; Thông tư 36/2015/TT-BTNMT...	Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường tại 03 cơ sở y tế	Đầu tư mới 03 hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại quy mô nhỏ (khoảng 18kg/giờ) và 03 hệ thống xử lý nước thải (100 m3/ngày đêm) cho Trung tâm YT Sơn Tây, Tây Trà, Lý Sơn.	Đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2020-2022	57,000	0	36,000	7,000	14,000
5	Sở Công Thương							46,912		15,540	15,686	15,686
	Nhiệm vụ chuyên môn											

5.1	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường	Theo chức năng, nhiệm vụ	Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy	In, Phát tờ rơi	Tờ rơi	Sở Công Thương chủ trì phối hợp với Ban Quản lý các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại	2020-2021	120	40	40	40	
	Nhiệm vụ thường xuyên											
	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng											
5.2	Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại 03 CCN	Nghị định 68/2017/NĐ-CP về Quản lý, phát triển cụm công nghiệp	Xử lý nước thải tập trung tập CCN	Đầu tư xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải tập trung	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	UBND các huyện, thành phố						
5.3	<i>CCN Tịnh An Tây, TP QNgãi</i>						15,500		15,500			
5.4	<i>CCN Sa Huỳnh, huyện Đức Phổ</i>						15,646			15,646		
5.5	<i>CCN Bình Nguyên, Bình Sơn</i>						15,646				15,646	
6	BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh						105,986		29,091	36,971	39,924	
	Nhiệm vụ chuyên môn											
*	Nhiệm vụ mới											
6.1	Xây dựng bộ chỉ thị môi trường KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030.	Thông tư 43/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường	Là cơ sở để đánh giá, kiểm soát, giám sát hiện trạng môi trường hàng năm và 5 năm, cung cấp thông tin cho nhà quản lý, thông tin hỗ trợ các dự án thực hiện báo cáo ĐTM, giám sát diễn biến	Xác định đối tượng chỉ thị đại diện cho môi trường, Lấy mẫu điều tra thu thập số liệu và báo cáo kết quả quan trắc, giám sát môi trường thông qua sinh vật chỉ thị trên địa bàn KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi.	Báo cáo về Xây dựng bộ chỉ thị môi trường KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	2021	1,000	-	-	1,000	-

			môi trường.										
6.2	Đánh giá sức tải môi trường của một số thủy vực tiêu ven bờ biển KKT Dung Quất phục vụ phát triển bền vững. (vùng biển phát triển công nghiệp, du lịch)	Theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Quản lý tổng hợp chất lượng nước biển ven bờ, phục vụ phát triển bền vững	Điều tra, khảo sát, lấy mẫu, thu thập số liệu, đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm ven bờ; công tác bảo vệ môi trường vùng biển ven bờ và đề xuất biện pháp quản lý các nguồn thải ra vùng biển ven bờ trên địa bàn KKT Dung Quất.	Báo cáo đánh giá sức tải môi trường của một số thủy vực tiêu ven bờ biển KKT Dung Quất phục vụ phát triển bền vững. (vùng biển phát triển công nghiệp, du lịch)	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	2,022	1,000	-	-	-	1,000	
6.3	Dự án đầu tư các trạm quan trắc môi trường tự động (khí thải, nước thải công nghiệp tại các trạm xử lý tập trung, nước mặt) - giai đoạn 1, trên địa bàn KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Kiểm soát liên tục chất lượng môi trường	Khảo sát, lựa chọn vị trí, đầu tư lắp đặt các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi.	Hệ thống trạm quan trắc môi trường tự động tại một số khu vực tập trung hoạt động công nghiệp, các khu vực tiếp nhận nhiều nguồn thải, môi trường biển ven bờ.	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	2020-2022	28,000	-	8,000	10,000	10,000	
6.4	Xây dựng chương trình bảo vệ môi trường các khu du lịch ven biển trên địa bàn KKT Dung Quất	Theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Kiểm soát, ngăn chặn các hoạt động làm suy thoái tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, góp phần phát triển bền vững	Đánh giá hiện trạng và đề xuất các chương trình bảo vệ môi trường tại các Khu du lịch ven biển trên địa bàn KKT Dung Quất	Báo cáo Chương trình bảo vệ môi trường tại các Khu du lịch ven biển trên địa bàn KKT Dung Quất	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	2021	500	-	-	500	-	

* <i>Nhiệm vụ thường xuyên</i>												
6.5	Thực hiện Quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	- Khoản 3, Điều 125, Luật Bảo vệ môi trường. - Điểm c, khoản 2, Điều 4, Thông tư số 02//2017/TT-BTC ngày 06/01/2017.	Kiểm soát ô nhiễm môi trường KKT Dung Quất	Lấy mẫu, phân tích mẫu, điều tra thu thập số liệu và báo cáo kết quả quan trắc môi trường và kiểm soát các nguồn thải trên địa bàn KKT Dung Quất	Báo cáo Chương trình Quan trắc và Kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn KKT Dung Quất và số liệu, dữ liệu về quan trắc môi trường.	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Thực hiện hàng năm	9,880	-	3,080	3,300	3,500
6.6	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt) trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất.	Thông tư số 02//2017/TT-BTC ngày 06/01/2017.	Bảo đảm vệ sinh môi trường Khu kinh tế Dung Quất xanh - sạch - đẹp	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ dân trên địa bàn KKT Dung Quất	Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn KKT Dung Quất, đảm bảo môi trường KKT Dung Quất xanh, sạch, đẹp.	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Thực hiện hàng năm	45,856	-	12,211	15,621	18,024
6.7	Vận hành các trạm xử lý nước thải công nghiệp tại KCN Tịnh Phong	Thông tư số 02//2017/TT-BTC ngày 06/01/2017.	Quản lý, vận hành hoạt động của Trạm xử lý nước thải công nghiệp tại KCN Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi.	Quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng thường xuyên Trạm xử lý nước thải công nghiệp KCN Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi.	Đảm bảo hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Tịnh Phong.	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Thực hiện hàng năm	10,500	-	3,000	3,500	4,000
6.8	Vận hành các Trạm xử lý nước thải tại Khu đô thị Vạn Tường.	Thông tư số 02//2017/TT-BTC ngày 06/01/2017.	Quản lý, vận hành hoạt động của 02 Trạm xử lý nước thải tại KĐT Vạn Tường.	Quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng thường xuyên 02 Trạm xử lý nước thải số 04 và số 05.	Đảm bảo hoạt động của Trạm xử lý nước thải sinh hoạt của 02 trạm xử lý nước thải tại KĐT Vạn Tường	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Thực hiện hàng năm	4,600	-	1,400	1,500	1,700

6.9	Thực hiện các nhiệm vụ quản lý, giám sát bảo vệ môi trường ở KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Khoản 2, Điều 4, Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017.	Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho các cá nhân, doanh nghiệp trong KKT Dung Quất	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hội nghị phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường; kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp,...	<ul style="list-style-type: none"> - Cài tạo, lắp đặt mới các pano tuyên truyền về môi trường. - Tổ chức các lớp tập huấn về lĩnh vực BVMT cho đối tượng là doanh nghiệp trên địa bàn KKT Dung Quất. - Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm trên địa bàn KKT Dung Quất. - Cập nhật dữ liệu, thông tin về lĩnh vực môi trường vào phần mềm CSDL của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi. - Các nội dung khác liên quan công tác quản lý, giám sát bảo vệ môi trường ở KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi. 	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Thực hiện hàng năm	4,650	-	1,400	1,550	1,700
7	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh							460		140	160	160

	Khảo sát, phân tích nguồn nước ăn, uống của bộ đội và khảo sát, xử lý chất độc CS						2020-2022	460		140	160	160
8	Công an tỉnh							665	360	665		
	Chỉ hoạt động nghiệp vụ phòng chống vi phạm pháp luật về môi trường năm 2019		Đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	Các hoạt động nghiệp vụ về công tác phòng, chống tội phạm về môi trường		Phòng PC05 chủ công	01/01/2019 đến 31/12/2020	665	360	665		
9	Tỉnh đoàn Quảng Ngãi							576		192	192	192
	Tổ chức Chương trình phát động và ra quân hưởng ứng ngày môi trường thế giới và giảm thiểu rác thải nhựa trong đoàn viên thanh niên và thanh thiếu nhi					Tỉnh đoàn Quảng Ngãi	2020-2022	576		192	192	192
10	Đoàn Khối các cơ quan tỉnh Quảng Ngãi							59		43	8	8
10.1	Tổ chức hội thi biểu diễn tiểu phẩm tuyên truyền “Lối sống xanh”						2020	35		35		
10.2	Tổ chức 2 hoạt động hưởng ứng phong trào “Chống rác thải nhựa” và trồng cây hưởng ứng Chương trình “Vì một Việt Nam xanh”						Hàng năm	12		4	4	4
10.3	Tổ chức đồng loạt 04 Ngày Chủ nhật xanh						Hàng năm	12		4	4	4
11	Hội Phụ nữ tỉnh							537		196	158	182

	Thực hiện công tác bảo vệ môi trường và phong trào chống rác thải nhựa giai đoạn 2020-2022	Công văn số 2882/STNMT-MT; Thông tư 02/2017/BTC	Giáo dục nâng cao nhận thức về BVMT; hạn chế gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do sản phẩm nhựa dùng một lần gây ra, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên bảo tồn đa dạng sinh học; thực hiện đầy đủ các chính sách của Đảng và Nhà nước về BVMT	1. Phát động và truyền thông phong trào chống rác thải nhựa 2. Tổ chức Hội nghị phổ biến về công tác bảo vệ môi trường và phong trào chống rác thải nhựa 3. xây dựng mô hình điểm về Phong trào chống rác thải nhựa	có khoảng 1.500 hội viên phụ nữ được tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường và phong trào chống rác thải nhựa. Thông qua các mô hình về bảo vệ môi trường và chống rác thải nhựa, các cấp Hội sẽ nhân rộng các mô hình nhằm thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường và phong trào chống rác thải nhựa tại các địa phương trong toàn tỉnh	Hội LHPN tỉnh	3 năm (từ năm 2020 - 2022)	537	196	158	182		
12	Huyện Nghĩa Hành							12,440		3,660	4,360	4,420	
Nhiệm vụ chuyên môn													
*	<i>Nhiệm vụ mới</i>												
12.1	Quan trắc môi trường	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	Giám sát chất lượng môi trường nước, không khí tại địa phương	Quan trắc môi trường nước, không khí	Chất lượng môi trường nước, không khí	Phòng Tài nguyên và MT	2020-2022	330	100	110	120		
Nhiệm vụ thường xuyên													
12.2	Hỗ trợ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	Hỗ trợ công tác thu gom rác thải, BVMT		Mua thùng đựng rác và xử lý rác thải tại 12 xã, thị trấn	Phòng TN và MT, UBND các xã, thị trấn	2020-2022	2,900	900	1,000	1,000		

12.3	Hỗ trợ thu gom, xử lý chất thải nguy hại	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	Thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật		Lắp đặt ống bi thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật	Phòng Tài nguyên và MT	2020-2022	1,470		470	500	500	
12.4	Tuyên truyền môi trường	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	Nâng cao nhận thức của người dân về BVMT		Làm mới và sửa chữa pa no, băng rôn	Phòng Tài nguyên và MT	2020-2022	1,450		450	500	500	
12.5	Mua cây xanh, cây có hoa tạo cảnh quan môi trường nông thôn mới		Tạo cảnh quan môi trường		Cây xanh, cây có hoa	Phòng Tài nguyên và MT	2020-2022	1,150		300	400	450	
12.6	Hỗ trợ xây dựng công trình khí sinh học	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	Xử lý nước thải trong chăn nuôi		300 hầm biogas	Trạm khuyến nông	2020-2022	290		90	100	100	
12.7	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường	Thông tư 19/2016/TTLT-BTC-BTNMT	Báo cáo công tác BVMT tại địa phương		Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện	Phòng Tài nguyên và MT	2020-2022	700		200	250	250	
12.8	Nạo vét cống rãnh khu vực đô thị	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	Bảo vệ môi trường tại địa phương			Phòng Tài nguyên và MT	2020-2022	1,700		500	600	600	
12.9	Hỗ trợ xử lý môi trường sau bão, mưa, lũ		Xử lý môi trường sau bão, mưa, lũ		Thu gom vận chuyển rác thải, ác súc vật chết, cây cối đổ ngã	Phòng Tài nguyên và MT	2020-2022	1,000		200	400	400	
12.10	Các nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017				Phòng Tài nguyên và MT	2020-2022	1,450		450	500	500	
13	Huyện Sơn Tịnh							31,957	9,320	6,532	7,545	8,560	
	Nhiệm vụ chuyên môn												
*	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>												
13.1	Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt	Thông tư số 02/2017/TT-BTC	Trên toàn bộ 11 xã	Thu gom và vận chuyển đến bãi rác	Hơn 10.000 tấn rác/năm	Các đơn vị có chức năng về thu gom rác thải	2020 - 2022	13,060	4,060	2,500	3,000	3,500	
13.2	Xử lý rác thải sinh hoạt được thu gom	Thông tư số 02/2017/TT-BTC	Xử lý đảm bảo quy định	Chi trả tiền cho đơn vị xử lý	Hơn 10.000 tấn	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020 - 2022	13,635	3,135	3,000	3,500	4,000	

13.3	Thu thập, tổng hợp báo cáo công tác bảo vệ môi trường	Luật BVMT và Thông tư 19/2016/TT-BTNMT	Thu thập báo cáo cơ quan có thẩm quyền	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường	Báo cáo	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020 - 2022	1,236	576	210	220	230
13.4	Mua sắm thiết bị thu gom rác			Mua sắm thiết bị	Thiết bị thu gom rác	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020 - 2022	2,400	900	500	500	500
*	Nhiệm vụ/Dự án mới											
13.5	Hợp đồng lao động hỗ trợ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp huyện	Thông tư số 02/2017/TT-BTC; Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh		Hỗ trợ tham mưu về công tác quản lý về bảo vệ môi trường tại UBND huyện và UBND xã		Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020 - 2022	137		42	45	50
	Nhiệm vụ thường xuyên						2020 - 2022					
13.6	Quan trắc, đánh giá chất lượng Môi trường và kiểm soát môi trường	Thông tư số 02/2017/TT-BTC	Đánh giá chất lượng, tác động của môi trường	Xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc, đánh giá các tác động đối với môi trường		Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020 - 2022	598	298	100	100	100
13.7	Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường	Thông tư số 02/2017/TT-BTC	Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường	Kiểm tra các tổ chức, cá nhân SX - KD - DV		Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020 - 2022	271	121	50	50	50
13.8	Hưởng ứng các ngày lễ, tuần lễ về môi trường;	Thông tư số 02/2017/TT-BTC	Các hoạt động hưởng ứng			Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020 - 2022	260	110	50	50	50
13.9	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật môi trường và nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường	Thông tư số 02/2017/TT-BTC	Nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường	Phối hợp với các cơ quan, đơn vị phổ biến các văn bản pháp luật về môi trường		Phòng TNMT và các Hội, đoàn thể	2020 - 2022	250	100	50	50	50
13.10	Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường	Thông tư số 02/2017/TT-BTC		Xây dựng kế hoạch		Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020 - 2022	110	20	30	30	30

14	Huyện Đức Phổ							187,105	57,577	68,355	50,850	67,900	
	Nhiệm vụ chuyên môn												
*	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>												
14.1	Trồng và chăm sóc cây xanh	Theo chức năng, nhiệm vụ	Môi trường xanh sạch đẹp	Trồng và chăm sóc cây xanh	Môi trường xanh sạch đẹp	Phòng Kinh tế và Hạ tầng môi trường	2020	35,000	23,342	10,000	10,000	15,000	
14.2	Kè mái ta luy	Theo chức năng, nhiệm vụ	Môi trường xanh sạch đẹp	Kè mái ta luy	Môi trường xanh sạch đẹp	Đội vệ sinh môi trường		0	326				
14.3	Mua thùng rác	Theo chức năng, nhiệm vụ	Môi trường xanh sạch đẹp	Mua thùng rác	Môi trường xanh sạch đẹp	Đội vệ sinh môi trường		0	99				
*	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>							0					
14.4	Sửa chữa lớn 03 xe cuốn ép rác	Theo chức năng, nhiệm vụ	An toàn khi tham gia giao thông	Sửa chữa lớn xe	Xe hoạt động đảm bảo	Đội vệ sinh môi trường		0	200	0	0	0	
	Nhiệm vụ thường xuyên							0					
14.5	Hỗ trợ tiền công lao động thường xuyên	Theo chức năng, nhiệm vụ	Đảm bảo tiền công cho người lao động của Đội Vệ sinh môi trường và xử lý bãi rác đúng quy định	Hỗ trợ tiền công lao động thường xuyên	Môi trường xanh sạch đẹp	Đội vệ sinh môi trường		0	3,872	0	0	0	
14.6	Hỗ trợ xử lý bãi rác phía Nam huyện tại xã Phổ Thạnh	nt	Môi trường xanh sạch đẹp	Hỗ trợ xử lý bãi rác phía Nam huyện	Môi trường xanh sạch đẹp	Đội vệ sinh môi trường		0	1,000	0	0	0	

14.7	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường; Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản trên địa bàn huyện và thanh tra kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường đối với tổ chức cá nhân thuộc thẩm quyền ...	nt	Nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường	Tập huấn, làm băng rôn và pano tuyên truyền và thanh tra ...	Môi trường xanh sạch đẹp	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020	12,000	505	3,000	3,000	6,000
14.8	Quan trắc môi trường và lập báo cáo giám sát định kỳ hiện trạng môi trường	nt	Giám sát hiện trạng môi trường	Quan trắc môi trường và lập báo cáo giám sát định kỳ hiện trạng môi trường	kết quả mẫu quan trắc	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020	6,000	865	2,000	2,000	2,000
14.9	Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	nt	Hoàn thành nhiệm vụ được giao	Thực hiện nhiệm vụ công tác bảo vệ môi trường	Môi trường xanh sạch đẹp	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2019	450	0	100	150	200
14.10	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn; Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn xã; Hoạt động giảm thiểu, thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý rác thải trên địa bàn xã; Hợp đồng lao	nt	Nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường	Tuyên truyền	Môi trường xanh sạch đẹp	UBND các xã, thị trấn	2020	12,000	2,024	3,000	3,000	6,000

	động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã ...												
14.11	Xử lý ô nhiễm môi trường ở các điểm nóng tại 15 xã, thị trấn		Môi trường Xanh - sạch - đẹp	Xử lý ô nhiễm môi trường ở các điểm nóng tại 15 xã, thị trấn	Môi trường xanh sạch đẹp	UBND các xã, thị trấn và Phòng TN&MT	2020	15,000		3,000	4,000	8,000	
14.12	Xử lý ô nhiễm môi trường sau mưa lũ trên địa bàn huyện		Môi trường Xanh - sạch - đẹp	Xử lý ô nhiễm môi trường sau mưa lũ trên địa bàn huyện	Môi trường xanh sạch đẹp	UBND 15 xã, thị trấn và Phòng TN&MT	2020	11,000	0	3,000	3,000	5,000	
14.13	Phòng chống tội phạm về môi trường	nt	Nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường	Phòng chống tội phạm về môi trường	Bảo vệ môi trường	Công an huyện	2020	1,900	300	500	700	700	
14.14	Hỗ trợ xử lý rác (thực hiện theo Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi) 50 tấn rác /1 ngày x 30 ngày x 12 tháng = 18.000 tấn/năm	Theo QĐ số 756/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Môi trường Xanh - sạch - đẹp	Hỗ trợ xử lý rác bằng công nghệ đốt	Môi trường xanh sạch đẹp	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	2020	42,000	7,044	12,000	15,000	15,000	

14.15	Hỗ trợ dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt (Đơn giá theo Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi) 50 tấn rác/1 ngày x 30 ngày x 12 tháng = 18.000 tấn rác /năm	Theo QĐ số 756/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)	Môi trường Xanh - sạch - đẹp	Hỗ trợ dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt	Môi trường xanh sạch đẹp	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	2020	30,000	6,500	10,000	10,000	10,000
14.16	Hỗ trợ thu gom và xử lý lượng rác còn tồn đọng tại Bãi rác Phô Thanh (450.000đ/tấn x 22.500 tấn + 428.000đ/tấn x 22.500 tấn x 22.500 tấn)		Môi trường Xanh - sạch - đẹp	Hỗ trợ xử lý lượng rác còn tồn đọng tại Bãi rác Phô Thanh bằng công nghệ đốt	Môi trường xanh sạch đẹp	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	2020	19,755	2,500	19,755	0	0
14.17	Xử lý rác bãi rác		Môi trường Xanh - sạch - đẹp	Xử lý bãi rác tạm tại Phô Ninh	Môi trường xanh sạch đẹp	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	2020	0	9,000			
14.18	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường tại Cụm công nghiệp Sa Huỳnh		Môi trường Xanh - sạch - đẹp	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường tại Cụm công nghiệp Sa Huỳnh	Môi trường xanh sạch đẹp	UBND huyện		2,000	0	2,000	0	0
15	Huyện Mộ Đức							22,690	480	2,080	9,580	12,030
	Nhiệm vụ chuyên môn											
*	Nhiệm vụ chuyển tiếp											
15.1	Hỗ trợ đầu tư các bể chứa bao, gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng trên tất cả các cánh đồng trên địa bàn huyện	Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT- BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ NNPTNT và Bộ TNMT hướng dẫn việc thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng	- Mua sắm, đặt các bể chứa bao, gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng trên tất cả cánh đồng trên địa bàn huyện - Trung bình 03 ha diện tích canh tác lúa có 01 bể	- Các xã, thị trấn xác định vị trí đặt bể - Mua sắm, đặt các bể chứa đựng bao, gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng	Dung tích bể chứa khoảng 0,5 - 01 m3, có nắp đậy kín.	UBND các xã, thị trấn	2020 - 2022	1,000	0	1000	500	500

			chứa bao, gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng												
* Nhiệm vụ mới															
15.2	Mua sắm thùng rác cấp cho các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn có nhu cầu	Theo Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Mua sắm thùng rác cấp cho các xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị để phục vụ cho công tác thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn huyện	- Các xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị đề xuất nhu cầu trang bị thùng rác - Tổ chức mua sắm	Các loại thùng rác	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2021	400	0	0	400	0			
15.3	Mua xe ép rác chuyên dùng		Mua xe ép rác chuyên dùng cấp cho Hạt quản lý và sửa chữa đường bộ huyện để mở rộng địa bàn thu gom	Tổ chức đấu thầu mua sắm theo quy định của pháp luật	Xe ép rác dung tích chứa rác khoảng 5-6m3	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2022	1,000	0	0	0	1,000			
Nhiệm vụ thường xuyên															
15.4	Hỗ trợ bù lỗ hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Quyết định 491/QĐ-TTg, ngày 07/5/2018 của TTCP Phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến 2025, tầm nhìn 2050; Theo Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của	- Nâng tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý lên 78% vào năm 2022 - Ngăn ngừa, giảm thiểu phát sinh các điểm nóng về rác thải - Đảm bảo kinh phí hoạt động cho các đơn vị thu gom, xử lý	- Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt dọc các trục lộ giao thông chính, tại các khu dân cư tập trung, các cụm công nghiệp, các điểm nóng về rác thải trên địa bàn huyện - Bù lỗ hoạt động thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn huyện	- Đến cuối năm 2022, tỷ lệ rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện được thu gom, xử lý đạt trên 78%. - Tất cả 13 xã, thị trấn của huyện đều có nơi xử lý rác thải - Các đơn vị làm nhiệm vụ	Hạt Quản lý và Sửa chữa đường bộ huyện, UBND các xã, thị trấn	Hàng năm	14,500	Chưa thống kê được	5.500	6,500	8,000			

		HĐND tỉnh	rác thải		thu gom, xử lý rác thải đảm bảo kinh phí hoạt động, đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động								
15.5	Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng	Theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; theo Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh quy định nhiệm vụ chỉ về bảo vệ môi trường của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường, chấp hành nghiêm qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường, giảm thiểu hành vi gây ô nhiễm môi trường, người dân tích cực tham gia đổ bỏ rác thải và nộp phí vệ sinh đúng qui định		<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên mục phát thanh TNMT định kỳ 01 chương trình/tuần. - Các hoạt động hưởng ứng các ngày lễ về môi trường như treo băng ron, phướn, poster tuyên truyền, tổ chức dọn vệ sinh, thu gom, xử lý rác thải, xử lý thảm mục tại rừng dương ven biển - Các lớp tập huấn do các hội, đoàn thể tổ chức - Các pa nô tuyên truyền về môi trường - Tài liệu tuyên truyền về môi trường 	Phòng TN&MT huyện, Đài truyền thanh, UBND các xã, thị trấn, UBMTTQVN huyện, các Hội, Đoàn thể huyện	Hằng năm	2,100	Chưa thống kê được	600	700	800	

15.6	Tăng cường công tác kiểm tra việc thực thi pháp luật bảo vệ môi trường	Theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và Theo Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh quy định nhiệm vụ chỉ về bảo vệ môi trường của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra các cơ sở SX, KD, DV trên địa bàn huyện, phát hiện và xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm và công khai trên hệ thống đài truyền thanh huyện, xã - Góp phần ngăn ngừa tình trạng gây ô nhiễm môi trường sống của cộng đồng do hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân gây ra 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành chương trình kiểm tra định kỳ hằng năm của UBND huyện - Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành tổ chức kiểm tra, tham mưu xử lý nghiêm hành vi vi phạm nếu có 	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình kiểm tra định kỳ. - Kết luận kiểm tra của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện. - Các quyết định xử phạt nếu có 	Công an huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, UBND các xã, thị trấn.	Hằng năm	100	Chưa thống kê được	50	50	50
15.7	Hỗ trợ lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường của UBND huyện Mộ Đức và 13 xã, thị trấn của huyện	Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo công tác bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiện trạng, diễn biến các thành phần môi trường trên địa bàn huyện - Đánh giá tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện năm qua và phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường trong năm tới 	<ul style="list-style-type: none"> - Lập trình phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí thực hiện - Hợp đồng với đơn vị tư vấn để thực hiện - Nghiệm thu kết quả thực hiện 	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của UBND huyện Mộ Đức và của 13 xã, thị trấn	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, UBND 13 xã, thị trấn	Hằng năm	1,600	359	800	800	800

15.8	Kiểm soát ô nhiễm môi trường các nguồn thải, tổ chức phân tích một số mẫu nước ngầm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo đề nghị của các xã, thị trấn để khuyến cáo đến người dân	Theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và Theo đề nghị của các xã, thị trấn; theo Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Đánh giá mức độ ô nhiễm của một số mẫu nước ngầm, nước thải, khí thải trên địa bàn huyện	Trên cơ sở đề nghị của các xã, thị trấn, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp với đơn vị tư vấn lấy và phân tích một số mẫu nước ngầm, nước thải, khí thải để đưa ra khuyến cáo đối với người dân	Các kết quả phân tích	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Hàng năm	300	450	150	150	150
15.9	Hoạt động xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và Theo Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Tăng cường hoạt động xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Văn phòng phẩm, pho to tài liệu, làm thêm giờ, kiểm tra thực tế	Kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Hàng năm	90	30	30	30	30
15.10	Hoạt động xử lý môi trường sau lũ, lụt	Theo Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Đảm bảo tình hình vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện khi bão, lũ đi qua	Thu gom, xử lý rác thải, lục bình, xác gia súc, gia cầm chết, tiêu độc, khử trùng môi trường	Lượng rác thải, lục bình, gia súc, gia cầm chết được thu gom	UBND các xã, thị trấn	Hàng năm	1,350	Chưa thống kê được	450	450	450

15.11	Hợp đồng với cán bộ có chuyên môn làm công tác bảo vệ môi trường cấp xã	Kế hoạch số 565/KH-UBND ngày 07/02/2017 về việc thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của TTCP và Quyết định số 2807/QĐ-BTNMT ngày 06/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; theo Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Hợp đồng với cán bộ có chuyên môn làm công tác bảo vệ môi trường ở một số xã, thị trấn	Đến năm 2022 có 03 xã, thị trấn có cụm công nghiệp và một số xã dọc quốc lộ 1A có tình hình kinh tế phát triển có cán bộ hợp đồng làm công tác bảo vệ môi trường	Cán bộ hợp đồng làm công tác bảo vệ môi trường ở một số xã, thị trấn có nhu cầu	UBND các xã, thị trấn	2020 - 2022	250	0	80	200	250
16	Huyện Tư Nghĩa											
16.1	Công tác tuyên truyền về môi trường	Văn bản chỉ đạo của Đảng, Chính phủ...	Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân	Treo băng rôn, áp phích vào các ngày lễ môi trường		Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020-2022	45	15	15	15	15
16.2	Công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt	Quy hoạch chất thải rắn của tỉnh	Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp	Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện		Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020-2022	18,600	5,455	5,800	6,200	6,600
17	Huyện Minh Long							9,455		2,770	3,095	3,590

17.1	Công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường)	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Kiểm soát ô nhiễm môi trường	Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường	Công tác quản lý chất thải tốt hơn	Phòng TNMT	2020-2022	120		30	40	50
17.2	Công tác quản lý chất thải: Điều tra, đánh giá nguồn ô nhiễm, đánh giá sức chịu tải môi trường, thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Quản lý chất thải	Điều tra, đánh giá nguồn ô nhiễm, đánh giá sức chịu tải môi trường, thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải	Công tác quản lý chất thải tốt hơn	Phòng TNMT	2020-2022	240		80	80	80
17.3	Chi cho công tác thu gom, vận chuyển xử lý rác thải trên địa bàn huyện	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Xử lý rác thải sinh hoạt	Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải	Xử lý rác thải sinh hoạt	Phòng KT-HT	2020-2022	1,500		500	500	500
17.4	Mua thùng rác công cộng	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Trang bị thiết bị công tác thu gom rác thải	Hợp đồng với tư vấn cung cấp thùng rác	Thùng rác công cộng	Phòng TNMT	2020-2022	700		200	200	300
17.5	Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, báo cáo công tác bảo vệ môi trường	Khoản 5, Điều 3, Nghị quyết 54/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017	Quản lý cơ sở dữ liệu về môi trường	Thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu	Cơ sở dữ liệu về môi trường	Phòng TNMT	2020-2022	120		30	40	50
17.6	Tuyên truyền hướng ứng các ngày Lễ về môi trường năm 2020	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Nâng cao nhận thức cộng đồng	Tổ chức lễ ra quân dọn vệ sinh, đi điều hành, treo băng rôn, pano tuyên truyền bảo vệ môi trường	Nâng cao nhận thức cộng đồng	Phòng TNMT, Huyện đoàn,	2020-2022	1,150		300	400	450
17.7	Chi kinh phí thẩm định kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT	Thẩm định	Giấy xác nhận	Phòng TNMT	2020-2022	150		50	50	50

17.8	Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Thanh tra, kiểm tra	Đi kiểm tra thực tế các cơ sở dịch vụ kinh doanh trên địa bàn huyện	Quản lý môi trường	Phòng TNMT	2020-2022	100		30	30	40
17.9	Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Quản lý môi trường	Chỉ đạo thực hiện	Đề ra biện pháp bảo vệ môi trường tốt hơn	Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực	2020-2022	75		20	25	30
17.10	Tuyên truyền, giáo dục pháp luật, đa dạng sinh học, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về đa dạng sinh học	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Công tác bảo tồn đa dạng sinh học	Công tác quản lý	Bảo tồn đa dạng sinh học	Phòng TNMT	2020-2022	100		30	30	40
17.11	Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm cấp huyện	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường	Các hoạt động bảo vệ môi trường	Quản lý môi trường	Phòng TNMT	2020-2022	5,200		1,500	1,700	2,000
18	Huyện Trà Bồng							16,770		5,990	5,390	5,390
18.1	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường		Báo cáo các số liệu về môi trường hằng năm theo quy định tại Thông tư 19	Thuê đơn vị tư vấn thực hiện			2020-2022	300		100	100	100
18.2	Tổ chức lấy mẫu quan trắc tại Khu xử lý rác thải thị trấn Trà Xuân		Đánh giá tình trạng ô nhiễm và khả năng tiếp nhận của môi trường tại khu xử lý rác thải	Thuê đơn vị tư vấn thực hiện			2020-2022	45		15	15	15

18.3	Mua sắm và bố trí, lắp đặt lò đốt rác thải sinh hoạt tại xã Trà Phú		Giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Trà Phú, phấn đấu đạt được tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới	Thuê đơn vị có chức năng thực hiện			2019 - 2020	7,500		2,500	2,500	2,500	
18.4	Hỗ trợ ô nhiễm rác thải sinh hoạt tại các xã		Giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Trà Phú, phấn đấu đạt được tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới				2020-2022	60		20	20	20	
18.5	Đóng cửa hồ chôn lấp số 1		Khắc phục ô nhiễm, hoàn trả cảnh quan môi trường đối với khu vực công trình xử lý rác thải đã kết thúc vận hành	Thuê đơn vị có chức năng thực hiện			Trong năm 2019	600		600			
18.6	Công tác thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn huyện		Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt; Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác; Hỗ trợ đơn vị cấp xã; Đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực quản lý	Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt tại khu vực thị trấn Trà Xuân, thôn Bắc Trà Sơn, thôn 3 Trà Thủy, Trà Phú, Trà Bình; hỗ trợ các xã còn lại trong công tác xử lý rác thải sinh hoạt, bảo vệ môi trường trên địa bàn			2020-2022	7,500		2,500	2,500	2,500	

18.7	Xây dựng giếng nước để lấy mẫu nước ngầm tại Khu xử lý rác thải thị trấn Trà Xuân		Theo dõi chất lượng nước ngầm tại khu vực xử lý rác thải	Thuê đơn vị tư vấn có chức năng thực hiện khoan giếng			2020-2022	210		70	70	70
18.8	Kiểm tra công tác BVMT tại các công trình, dự án đầu tư xây dựng, các đơn vị sản xuất-kinh doanh trên địa bàn huyện		Thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản liên quan (những nội dung cam kết trong ĐTM và Kế hoạch, đề án BVMT đơn giản đã đăng ký)	Thực hiện nhiệm vụ quản lý NN về bảo vệ môi trường tại các công trình, dự án, cơ sở SX-KD; Hợp đồng lấy mẫu phân tích khi phát hiện có sai phạm			2020-2022	45		15	15	15
18.9	Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường		Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực cán bộ quản lý,	Tổ chức hoạt động hưởng ứng các ngày lễ môi trường: Giờ Trái đất; ngày môi trường thế giới, tuần lễ Biển và Hải đảo; Ngày nước thế giới, ngày Đại dương thế giới; ngày Đa dạng sinh học, Chiến dịch thế giới sạch hơn; Mở lớp tập huấn nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý môi trường cấp huyện và cấp xã, các trường thôn,...			2020-2022	360		120	120	120
18.10	Trang bị máy móc, thiết bị phục vụ test nhanh các chỉ tiêu môi trường		Đáp ứng điều kiện làm việc của Phòng TN&MT huyện	Thực hiện kiểm tra nhanh phát hiện những chỉ tiêu vượt quy chuẩn			2020-2022	150		50	50	50
19	Huyện Sơn Tây							10,110	1,120	2,980	3,400	3,730
	Nhiệm vụ chuyên môn											
*	<i>Nhiệm vụ chuyên</i>											

	<i>tiếp</i>													
19.1	Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt	Thông tư số 02/2017/TT-BTC	Trên toàn bộ 9 xã	Thu gom và vận chuyển đến bãi rác	Hơn 2.000 tấn rác/năm	Các đơn vị có chức năng về thu gom rác thải	Giai đoạn năm 2020 - 2022	3,400	600	1,000	1,200	1,200		
19.2	Xử lý rác thải sinh hoạt được thu gom	Thông tư số 02/2017/TT-BTC	Xử lý đảm bảo quy định	Chi trả tiền cho đơn vị xử lý	Hơn 2.000 tấn	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Giai đoạn năm 2020 - 2022	3,700	100	1,000	1,200	1,500		
19.3	Thu thập, tổng hợp báo cáo công tác bảo vệ môi trường	Luật BVMT và Thông tư 19/2016/TT-BTNMT	Thu thập báo cáo cơ quan có thẩm quyền	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường	Báo cáo	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Giai đoạn năm 2020 - 2022	370		100	120	150		
19.4	Mua sắm thiết bị thu gom rác			Mua sắm thiết bị	Thiết bị thu gom rác	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Giai đoạn năm 2020 - 2022	1,500	230	500	500	500		
	Nhiệm vụ thường xuyên													
19.5	Quan trắc, đánh giá chất lượng Môi trường và kiểm soát môi trường	Thông tư số 02/2017/TT-BTC	Đánh giá chất lượng, tác động của môi trường	Xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc, đánh giá các tác động đối với môi trường		Phòng Tài nguyên và Môi trường	Giai đoạn năm 2020 - 2022	300		100	100	100		
19.6	Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường	Thông tư số 02/2017/TT-BTC	Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường	Kiểm tra các tổ chức, cá nhân SX - KD - DV		Phòng Tài nguyên và Môi trường	Giai đoạn năm 2020 - 2022	150		50	50	50		
19.7	Hưởng ứng các ngày lễ, tuần lễ về môi trường;	Thông tư số 02/2017/TT-BTC	Các hoạt động hưởng ứng			Phòng Tài nguyên và Môi trường	Giai đoạn năm 2020 - 2022	300	90	100	100	100		
19.8	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật môi trường và nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường	Thông tư số 02/2017/TT-BTC	Nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường	Phối hợp với các cơ quan, đơn vị phổ biến các văn bản pháp luật về môi trường		Phòng TNMT và các Hội, đoàn thể	Giai đoạn năm 2020 - 2022	300	100	100	100	100		

19.9	Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường	Thông tư số 02/2017/TT-BTC		Xây dựng kế hoạch		Phòng Tài nguyên và Môi trường	Giai đoạn năm 2020 - 2022	90		30	30	30
20	Huyện Sơn Hà							31,175	1,762	20,520	7,245	3,410
20.1	Tuyên truyền trực quan về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện		Tuyên truyền Luật BVMT và các văn bản dưới luật (những nội dung cam kết trong ĐTM và Kế hoạch bảo vệ môi trường	Phối hợp với Phòng Văn hóa thông tin triển khai công tác tuyên truyền, xây dựng pano, áp phích		Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Hàng quý	125		30	45	50
20.2	Kiểm tra công tác BVMT tại các đơn vị		Trang bị kiến thức về môi trường cho doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện	Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT tại các dự án: + Hợp đồng đơn vị lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu môi trường khi phát hiện đơn vị có sai phạm		Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Trong năm 2020	150		40	50	60
20.3	Đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải huyện Sơn Hà		Xử lý rác thải công nghiệp cao, tái chế rác thải phục vụ cho nông nghiệp tạo môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn về môi trường	Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác, phân loại làm phân hữu cơ		Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Trong năm 2019 - 2020	12,000		12,000		
20.4	Chi cho công tác thu gom, vận chuyển xử lý rác thải trên địa bàn huyện		Xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải trong nông nghiệp, tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp	- Thu gom vận chuyển, xử lý rác thải; - Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác. - Hỗ trợ các đơn vị, xã, thị trấn trong công tác xử lý rác thải.		Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Trong năm 2020	3,400	590	1,000	1,200	1,200

20.5	Duy trì chăm sóc cây xanh đô thị		Nhằm duy trì thảm thực vật, cây xanh ở thị trấn Di Lăng, tạo cảnh quan môi trường đô thị	Nhằm duy trì thảm thực vật, cây xanh ở thị trấn Di Lăng, tạo cảnh quan môi trường đô thị		Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Trong năm 2020	2,700	590	800	900	1,000	
20.6	Hỗ trợ công tác nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường		Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường	- Hỗ trợ công tác nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường bằng tiếng Hre, triển khai Luật bảo vệ môi trường - Làm pano môi trường Hoạt động hưởng ứng Tết trồng cây, Tuần lễ Biển và hải đảo; Giờ trái đất; Ngày môi trường Thế giới (5/6); Ngày đa		Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Trong năm 2020	300	200	100	100	100	
20.7	Trồng cây xanh đô thị tại thị trấn Di Lăng và các xã trên địa bàn huyện					Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Trong năm 2020	1,400		400	500	500	
20.8	Chỉ cho công tác chăm sóc cây xanh đô thị		Nhằm duy trì thảm thực vật, cây xanh ở thị trấn Di Lăng, tạo cảnh quan môi trường đô thị			Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Trong năm 2020	1,800		800	1,000		
20.9	Xây dựng lò đốt rác tại cụm Hải - thủy - Kỳ - Ba		Xử lý rác thải công nghệ cao, bảo đảm về môi trường tạo môi trường xanh - sạch - đẹp	Đầu tư xây dựng; Vận hành thu xử lý rác thải;		Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Trong năm 2021	3,000			3,000		

20.10	Trang bị máy móc thiết bị phục vụ tset nhanh các chỉ tiêu môi trường			Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý môi trường		Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Trong năm 2020	300	132	100	100	100
20.11	Điều tra, khảo sát các danh mục chỉ tiêu báo cáo về công tác môi trường trên địa bàn huyện, Báo cáo công tác bảo vệ môi trường cho HĐND cùng cấp và UBND tỉnh		Điều tra, khảo sát đánh giá được các chỉ tiêu về công tác bảo vệ môi trường	Triển khai theo Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 của Bộ Tài nguyên và môi trường		Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Hàng năm	700		150	250	300
20.12	Xử lý môi trường chăn nuôi tại các trang trại và hộ gia đình cá nhân					Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Thường xuyên	300		100	100	100
20.13	Mua xe ép rác		Đảm bảo đầy đủ phương tiện phục vụ công tác xử lý rác thải trên địa bàn			Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Trong năm 2020	3,000	250	3,000		
20.14	Hệ thống xử lý nước thải tại Trung tâm thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà			Đầu tư xây dựng.		Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Trong năm 2020	2,000		2,000		
21	Huyện Tây Trà							6,110	1,455	2,920	1,820	1,370
	Nhiệm vụ chuyên môn											
21.1	Hỗ trợ chi trả lương cho Đội phụ trách VSMT thu gom rác thải khu vực Trung tâm huyện và 4 xã lân cận.	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Xử lý rác thải	Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải	thu gom, xử lý 1.000 tấn rác/năm	Phòng TN-MT	2019-2022	1,050	274	300	350	400
21.2	Hỗ trợ vận hành phương tiện thu gom, vận chuyển	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	Vận hành phương tiện thu gom, vận	Trả tiền HĐLX, xăng dầu, bảo hành sửa chữa,	thu gom, xử lý 1.000 tấn rác/năm	Phòng TN-MT	2019-2022	600	140	200	200	200

	rác thải	của Bộ Tài chính	chuyên rác thải	bảo hiểm xe.									
21.3	Tuyên truyền, tập huấn công tác bảo vệ môi trường	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Tuyên truyền, tập huấn	Mít tinh, điều hành, tuyên truyền Ngày Môi trường Thế giới, Ngày Đa dạng sinh học, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn...	nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho nhân dân	Phòng TN-MT	2019-2022	360	106	120	120	120	
21.4	Hỗ trợ xử lý chất thải, làm vệ sinh môi trường, nạo vét mương thoát nước tại khu vực Trung tâm huyện và các xã.	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Kiểm sát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường	Thu dọn rác thải, xác súc vật chết, nạo vét mương thoát nước	hàng năm xử lý khoảng 3.500 tấn bùn, đất thải	Phòng TN-MT	2019-2022	1,500	547	500	500	500	
21.5	Xử lý rác thải tại hồ rác tập trung của huyện	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Kiểm sát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường	Xử lý, chôn lấp rác thải		Phòng TN-MT	2019-2021	550	238	250	300		
21.6	Mua phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Vận chuyển rác thải	Mua xe ép rác		Phòng TN-MT	2020	1,200		1,200			
21.7	Thanh tra, kiểm tra các hoạt động vi phạm pháp luật về môi trường.	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Phòng ngừa, chống các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường.	Kiểm tra, xử lý tình trạng khai thác vàng trái phép và các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường trên địa bàn huyện.		Phòng TNMT-Công an huyện	2019-2022	90	30	30	30	30	
21.8	Hỗ trợ tổ tự quản bảo vệ môi trường	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	giảm thiểu môi trường trên địa bàn huyện				2019-2022	360	120	120	120	120	
21.9	Mua thùng rác cung cấp cho 9 xã.	Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Thu gom, xử lý rác thải			Phòng TN&MT	2020-2021	400		200	200		
22	Huyện Ba Tơ							4,690	0	1,220	1,390	2,080	

22.1	Tuyên truyền công tác BVMT						2020-2022	1,150		300	350	500	
22.2	Xác nhận KH BVMT						2020-2022	140		20	40	80	
22.3	Hỗ trợ thu gom và xử lý rác khu vực nông thôn						2020-2022	3,400		900	1,000	1,500	
23	Huyện Lý Sơn							35,549	10,046	11,126	11,878	12,545	
Nhiệm vụ chuyên môn													
23.1	Chi thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt							17,891	5,326	5,580	6,036	6,275	
23.2	Chi công tác xử lý rác thải rắn sinh hoạt							16,462	4,596	5,200	5,437	5,825	
23.3	Chi công tác ra quân dọn vệ sinh các ngày lễ, tết							115	20	30	40	45	
23.4	Chi công tác tuyên truyền tài nguyên và môi trường; tuyên truyền giảm thiểu rác thải nhựa							135	22	40	45	50	
23.5	Chi hướng ứng các ngày lễ							251	67	76	85	90	
23.6	Công tác kiểm tra môi trường (bao gồm lấy mẫu phân tích chất lượng môi trường)							105	15	30	35	40	
Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng								590		170	200	220	
24	Thành phố Quảng Ngãi												
25	Huyện Bình Sơn							93,147	11,775	31,049	31,049	31,049	
25.1	Báo cáo điều tra, đánh giá hiện trạng môi trường huyện	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Điều tra, tạo dữ liệu nền phục vụ công tác quản lý Nhà nước về BVMT; Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm				Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020-2022	1,500	0	500	500	500

25.2	Khảo sát, đánh giá thực trạng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Điều tra, tạo dữ liệu phục vụ công tác quản lý Nhà nước			Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020-2022	900	0	300	300	300
25.3	Hỗ trợ dự án đầu tư, xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại cụm CN Bình Nguyên	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Kiểm soát ô nhiễm, xử lý nước thải			Ban quản lý các Cụm công nghiệp huyện	2020-2022	24,000	0	8,000	8,000	8,000
25.4	Hỗ trợ xây dựng và duy trì hoạt động mô hình bảo vệ môi trường, thu gom rác thải, làm sạch bãi biển,...	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng			Phòng Tài nguyên và Môi trường	2019-2021	1,500	0	500	500	500
25.5	Kinh phí thu gom, xử lý rác thải xã Bình Mỹ, Bình Thanh Tây, Bình Hiệp, Bình Long	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Xử lý rác thải			Công ty Cổ phần Điện	2020-2022	14,400	0	4,800	4,800	4,800
25.6	Hỗ trợ điều tra, khảo sát, đánh giá các khu vực bị nhiễm độc chất độc hóa học Da cam - Dioxin thuộc địa bàn huyện Bình Sơn	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Điều tra, tạo dữ liệu nền phục vụ công tác quản lý Nhà nước về BVMT; Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm			Phòng Tài nguyên và Môi trường và Hội nạn nhân chất độc Da cam - Dioxin huyện	2020-2022	1,500	0	500	500	500
25.7	Hợp đồng cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường cấp huyện và cấp xã (thí điểm)	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Tăng cường năng lực quản lý môi trường			Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020-2022	1,200	0	400	400	400
25.8	Chi các hoạt động đột xuất, xử lý môi trường	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Xử lý môi trường			Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020-2022	150	0	50	50	50
	Nhiệm vụ thường xuyên											

25.9	Kinh phí thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn thị trấn Châu Ô	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính.	Xử lý rác thải			UBND thị trấn Châu Ô	2020-2022	9,000	2,300	3,000	3,000	3,000	
25.10	Kinh phí thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn 03 xã Bình Dương, Bình Trung, Bình Thanh Đông	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Xử lý rác thải			Đội quản lý Trật tự đô thị huyện	2020-2022	9,000	2,500	3,000	3,000	3,000	
25.11	Kinh phí tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày môi trường thế giới 5/6, tuần lễ biển và hải đảo, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn 22/9...	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng			Phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND các xã, thị trấn	2020-2022	7,500	2,100	2,500	2,500	2,500	
25.12	Hỗ trợ công tác kiểm tra Kế hoạch BVMT, đề án BVMT định kỳ, đột xuất và thẩm định hồ sơ Kế hoạch BVMT, đề án BVMT	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm			Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020-2022	300	0	100	100	100	
25.13	Chi phí lấy mẫu quan trắc, trả lời kiến nghị cử tri	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm			Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020-2022	300	100	100	100	100	
25.14	Kinh phí phòng ngừa, khắc phục sự cố môi trường	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm			Phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND các xã, thị trấn	2019-2021	1,500		500	500	500	
25.15	Báo cáo quan trắc môi trường cụm CN Bình Nguyên	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Kiểm soát ô nhiễm			Ban quản lý các Cụm công nghiệp huyện	2019-2021	300		100	100	100	

25.16	Xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, các điểm nóng môi trường	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Xử lý ô nhiễm môi trường			Phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND các xã, thị trấn	2019-2021	1,974		658	658	658
25.17	Kinh phí phòng ngừa, khắc phục sự cố môi trường	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm			Phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND các xã, thị trấn	2020-2022	693	200	231	231	231
25.18	Báo cáo quan trắc môi trường cụm CN Bình Nguyên	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Kiểm soát ô nhiễm			Ban quản lý các Cụm công nghiệp huyện	2020-2022	300	100	100	100	100
25.19	Xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, các điểm nóng môi trường	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Xử lý ô nhiễm môi trường			Phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND các xã, thị trấn	2020-2022	2,100	0	700	700	700
25.20	Xử lý bao bì, chai lọ thuốc Bảo vệ thực vật	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Xử lý ô nhiễm môi trường			Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các xã, thị trấn	2020-2022	1,500		500	500	500
25.21	Thăm Đội vệ sinh môi trường thị trấn Châu Ô và các Tổ tự quản	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng					90	25	30	30	30
25.22	Thực hiện Phong trào Chống rác thải nhựa và các mô hình bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng			Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020-2022	13,350	4,450	4,450	4,450	4,450
25.23	Tổ chức ra quân đầu năm	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng			Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020-2022	90	0	30	30	30